ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

CIENCO 4
JSC 471

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN 471

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 2703002168 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp ngày 01 tháng 01 năm 2009; đăng ký thay đổi lần 1 số 2900324868 ngày 15/11/2001; đăng ký thay đổi lần thứ 2 số 2900324868 ngày 16 tháng 04 năm 2012)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 77/GCN- UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 12 năm 2013)

Bản cáo bạch này được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN 471

Địa chỉ : Số 9 Phạm Nhật Duật, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 038342356 Fax: 0383 848 964

Website : www.congty471.com.vn

Email : congty471@gmail.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Trụ sở : Số 2 Bis Nguyễn Thị Minh Khai – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh : Tầng 4, tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại : (84-4) 35148766 Fax:(84-4) 35148768

Website : www.vics.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : Mai Anh Đồng

Chức vụ : Giám đốc

Điện thoại : 038342356 Fax: 0383 848 964

CÔNG TY CỔ PHẦN 471

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 2703002168 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp ngày 01 tháng 01 năm 2009; đăng ký thay đổi lần 1 số 2900324868 ngày 15/11/2001; đăng ký thay đổi lần thứ 2 số 2900324868 ngày 16 tháng 04 năm 2012)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu : Công ty Cổ phần 471

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá : 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng chào bán : 2.000.000 (Hai triệu) cổ phiếu

Trong đó:

- Phát hành cho cổ đông hiện hữu (ngoại trừ cổ đông nhà nước): 390.000 cổ phần
- Phát hành cho người lao động: 150.000 cổ phần.
- Phát hành cho đối tác chiến lược: 500.000 cổ phần.
- Đấu giá công khai: 960.000 cổ phần

Tổng giá trị chào bán : 20.000.000.000 (Hai mươi tỷ) đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN THUẾ (ATC)

Trụ sở : Phòng 201, Tòa nhà 262 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 6266 2284 Fax: (84-4) 6266 2285

Website : www.atc-audit.com

Email : info@audit.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Trụ sở : Số 2 Bis Nguyễn Thị Minh Khai – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh : Tầng 4, tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 35148768 Fax:(84-4) 35148768

Website : www.vics.vn

Mục lục

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 7
1. Rủi ro về kinh tế 7
2. Rủi ro về luật pháp 10
3. Rủi ro đặc thù ngành 11
3.1. Rủi ro về thị trường 11
3.2. Rủi ro về biến động giá 11
3.3. Rủi ro về chiếm dụng vốn 11
3.4. Rủi ro về tiến độ 11
4. Rủi ro của đợt chào bán, của việc sử dụng vốn từ đợt chào bán 12
4.1. Rủi ro của đợt chào bán 12
4.2. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu 12
5. Rủi ro khác 15
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 15
1. Tổ chức phát hành 15
2. Tổ chức tư vấn 15
III. CÁC KHÁI NIỆM 15
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 17
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 17
1.1. Quá trình hình thành và phát triển 17
1.2. Một số thông tin cơ bản về Công ty 18
2. Cơ cấu tổ chức công ty 19
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty 20
3.1. Đại hội đồng cổ đông 21
3.2. Hội đồng quản trị 21
3.3. Ban kiểm soát 22
3.4. Ban Giám đốc 22
3.5. Các phòng ban chức năng 23
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông 25
4.1. Cơ cấu cổ đông tại ngày 24/11/2013 25
4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại ngày 24/11/2013 26
4.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến ngày 24/11/2013 26

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành 27
5.1 Công ty mẹ của tổ chức phát hành 27
5.2 Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối 27
5.3 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành 27
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty 28
7. Hoạt động kinh doanh 29
7.1. Sản phẩm và dịch vụ chính 29
7.2. Nguyên vật liệu 30
7.2.2. Sự ổn định của các nguồn cung cấp 32
7.2.3. Sự ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận 32
7.3. Chi phí kinh doanh 32
7.4. Trình độ công nghệ 33
7.5. Hoạt động Marketing 38
7.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ 38
7.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền 39
7.8. Các hợp đồng lớn đã thực hiện hoặc đã được ký kết 39
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 41
8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SX KD của công ty năm 2011-2013 41
8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo 42
9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 44
9.1. Vị thế của công ty trong ngành 44
9.2. Triển vọng phát triển của ngành 46
9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới 47
10. Chính sách đối với người lao động 48
10.1. Số lượng người lao động trong công ty 48
10.2. Chính sách lương thưởng, trợ cấp, đào tạo 49
11. Chính sách cổ tức 50
12. Tình hình hoạt động tài chính 50
12.1. Các chỉ tiêu cơ bản 50
12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 56

13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng 57
13.1. Hội đồng quản trị 57
13.2. Ban Giám đốc 64
13.3. Ban Kiểm soát 66
13.4. Kế toán trưởng 70
13.5. Danh sách những người có liên quan tới thành viên HĐQT; Ban Kiểm soát; Ban Giám đốc 72
14. Tài sản 77
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 78
15.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch 2013 78
Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 78
15.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức 78
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 79
17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức: Tháng 6/2014 . 80
18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký phát hành 80
Không có 80
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán phát hành 80
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN 80
1. Loại cổ phiếu 80
2. Mệnh giá 80
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán, đối tượng chào bán 80
4. Giá chào bán dự kiến 82
5. Phương pháp tính giá 82
6. Phương thức phân phối 83
7. Thời gian phân phối cổ phiếu 84
8. Đăng ký mua cổ phiếu 84
8.1. Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu 84
8.2. Phương thức thanh toán 85
9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 85
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng 85
11. Các loại thuế có liên quan đến cổ phiếu chào bán 85
12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 86
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 86

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 86
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....87
1. Tổ chức tư vấn.....87
2. Tổ chức kiểm toán 87
PHỤ LỤC 88

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng trong nó những rủi ro tiềm tàng nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản của nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, ... Doanh nghiệp - một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ thay đổi của các nhân tố ấy.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Là một bộ phận của nền kinh tế, Công ty Cổ phần 471 cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, sự ảnh hưởng của thu nhập, lạm phát của nền kinh tế quốc dân.

Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông,…tạo cơ hội cho doanh nghiệp có thêm nhiều các hợp đồng, dự án lớn, góp phần thúc đẩy sự gia tăng doanh thu và lợi nhuận và ngược lại.

Biểu 1: Tỷ lệ GDP của Việt Nam qua các năm

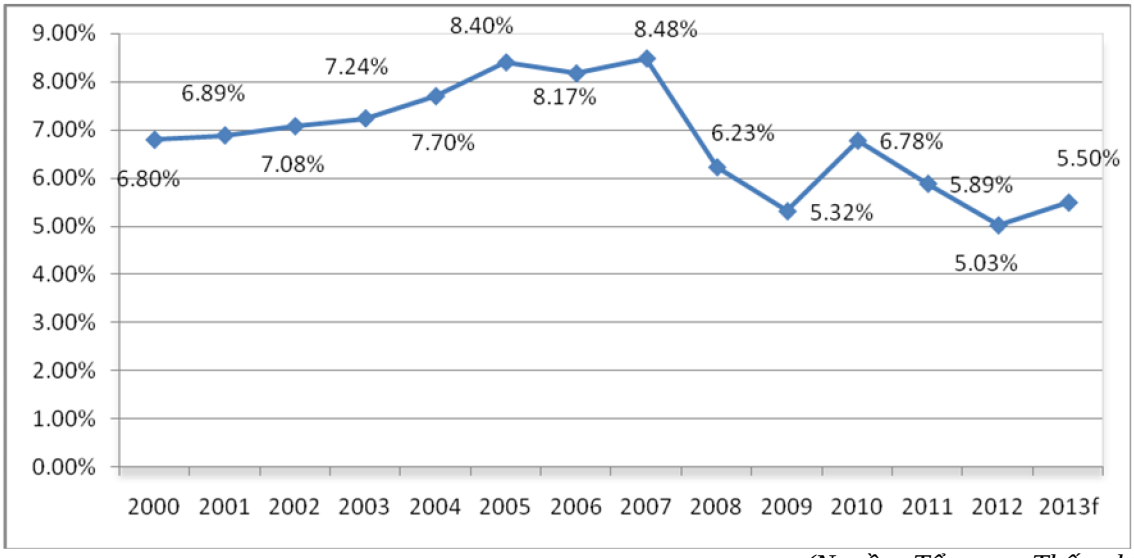

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Kinh tế Việt Nam vừa trải qua một năm 2012 với nhiều biến động mà đỉnh điểm là tình trạng nợ xấu bùng phát tại ngân hàng thương mại, ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ nền kinh

tế. Kinh tế Việt Nam kết thúc năm 2012 với tăng trưởng GDP đạt 5,03% và giảm 0,86% so với năm 2011, mức thấp nhất trong vòng 04 năm gần đây. Nhìn chung, bức tranh vĩ mô năm 2012 được xem là một năm nhiều rủi ro và nhiều bất ổn, đặc biệt là đối với hệ thống ngân hàng, bất động sản và các ngành công nghiệp hỗ trợ. Các vấn đề như nợ xấu, hàng tồn kho cao, bất động sản tê liệt, xây dựng đình trệ v.v… vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Tuy nhiên, các yếu tố ổn định vẫn tiếp tục dần cải thiện, các chính sách hỗ trợ ngân hàng, bất động sản;….đang và sắp ban hành đã tạo ra môi trường vĩ mô năm 2013 với nhiều tín hiệu sáng sủa hơn. Những nỗ lực trong việc duy trì sự ổn định kinh tế vĩ mô, ưu tiên kiềm chế lạm phát của Chính phủ đã đem lại cho nền kinh tế Việt Nam những kết quả tích cực trong 3 quí đầu năm 2013: (i) Tốc độ tăng trưởng GDP trong quí 3/2013 đã đạt mức cao hơn so với dự báo, suy giảm tăng trưởng bước đầu đã được ngăn chặn (GDP 9 tháng/2013 đạt mức tăng (5,14%) khá hơn đôi chút so với cùng kỳ năm 2012 (5,1%, tính theo giá so sánh 2010)). Tuy nhiên, nền kinh tế nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn bởi dòng vốn tín dụng chưa được hấp thụ tốt, cầu tiêu dùng trong nước còn yếu khiến sản xuất khó tăng trưởng mạnh. Bên cạnh đó tăng trưởng GDP trong giai đoạn hiện nay đang phụ thuộc khá nhiều vào nhân tố xuất khẩu (cầu bên ngoài) là yếu tố còn nhiều bất định, chứa đựng những rủi ro khó lường đối với tính bền vững của tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tới; (ii) Lạm phát được kiểm soát trong một thời gian khá dài, xu hướng lạm phát dài hạn đang giảm dần và ổn định quanh mức 7% là những tín hiệu tích cực tạo nền tảng cho sự ổn định lạm phát cho trung hạn. Vì vậy, mục tiêu tăng trưởng 5,5% cho cả năm 2013 sẽ vẫn khó khăn, bởi những yếu tố nền tảng tạo nên tăng trưởng trong giai đoạn hiện nay đều chưa có sự hồi phục mạnh mẽ.

Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ trong thời gian tới sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng nói riêng.

Để đảm bảo tính bền vững trong hoạt động, ban lãnh đạo công ty luôn bám sát với tình hình kinh tế trong nước và quốc tế để xây dựng kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và dài hạn phù hợp với từng thời kỳ phát triển.

Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2000 – 2012 cụ thể như sau:

Biểu 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm

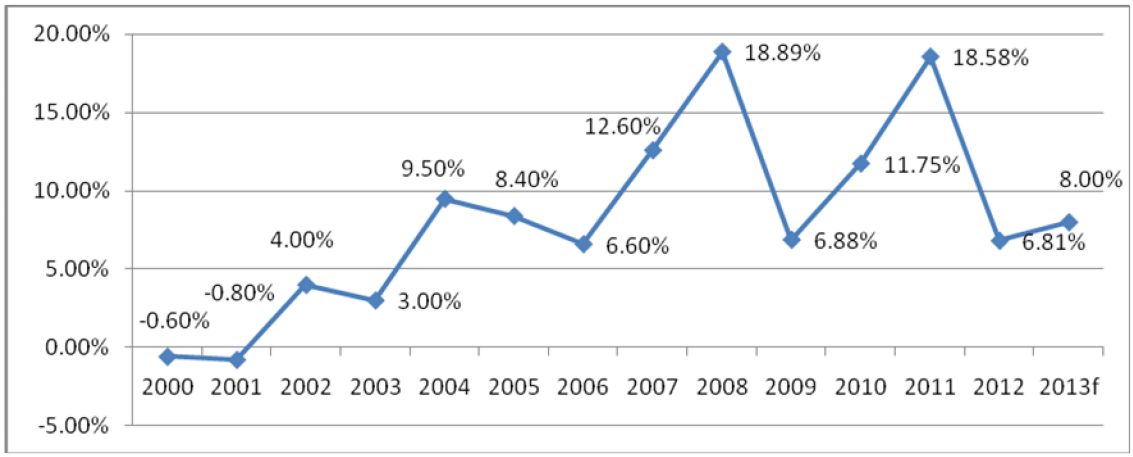

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Năm 2012, Việt Nam đã hoàn thành tốt mục tiêu kiềm chế lạm phát, CPI cả năm 2012 thấp hơn mức chỉ tiêu kế hoạch 7% mà Quốc hội đề ra. Về tổng thể, lạm phát trong 9 tháng đầu năm đã được kiểm soát ở mức thấp (tăng 4,63% so với đầu năm) và ổn định hơn so với nhiều năm trở lại đây, biểu hiện qua mức độ phân tán của tốc độ tăng CPI so với giá trị trung bình đạt mức khá ổn định trong 9 tháng/2013, thấp hơn nhiều so với năm 2012. Tuy nhiên, lạm phát năm 2012 và năm 2013 thấp không phải vì năng suất, chất lượng, hiệu quả tăng mà do sức mua suy kiệt và để kiềm chế lạm phát Nhà nước đã áp dụng các biện pháp kiềm chế lạm phát như đầu tư công thắt chặt và thắt chặt tiền tệ, điều chỉnh giá hàng hóa cơ bản và dịch vụ công (y tế, giáo dục). Do đó, trong các năm tiếp theo nếu đầu tư công nới lỏng và đến thời điểm nào đó bất động sản tan băng thì ngay lập tức lạm phát lại có thể nóng lên.

Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát ở Việt Nam xảy ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Để quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh, ban lãnh đạo Công ty cũng theo dõi sát diễn biến tình hình kinh tế xã hội trong nước và thế giới để xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển phù hợp, hạn chế bớt những ảnh hưởng tiêu cực từ các yếu tố vĩ mô.

Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Không phải bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng có nguồn vốn đủ lớn để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh mà phần lớn phải huy động thêm từ các nguồn bên ngoài, trong đó có một kênh phổ biến đó là vay vốn và chịu lãi suất sử dụng vốn. Chính vì vậy, nên chỉ cần một sự

thay đổi của lãi suất sẽ kéo theo hiệu ứng tổng thể, khi lãi suất tăng cao ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng của các cá nhân, chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp, gia tăng chi phí cho các doanh nghiệp, làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, doanh thu và lợi nhuận giảm.

Trong năm 2010 - 2011, lãi suất có biểu hiện tăng cao, liên tục biến động mạnh và diễn biến phức tạp. Bước sang năm 2012, lãi suất tuy đã có dấu hiệu giảm, tuy nhiên mức lãi suất cho vay của các Ngân hàng thương mại vẫn giữ ở mức phổ biến là 21%/năm. Với mức lãi suất này khó có doanh nghiệp nào sản xuất kinh doanh hiệu quả để bù lãi mà vẫn có lợi nhuận. Tuy nhiên, bước sang năm 2013 lãi suất đã có xu hướng giảm, lãi suất thị trường liên ngân hàng duy trì ở mức thấp (3% - 4%/năm), thậm chí ở thời điểm tháng 06/2013 rơi xuống dưới 1%/năm, lãi suất cho vay hiện đã giảm về mức thấp nhất trong gần trục năm qua. Từ nay cho đến cuối năm 2013 lãi suất huy động VND được dự báo sẽ tiếp tục ổn định quanh mức 7%/năm, xa hơn, năm 2014 có thể biến động nhưng không lớn, dự tính trong khoảng 8% - 10%/năm. Lãi suất cho vay theo đó sẽ duy trì ở mức thấp. Do vậy, rủi ro lãi suất từ nay cho đến cuối năm 2013 sẽ không quá lớn, thậm chí sự ổn định tương đối có thể kéo dài trong năm 2014 – 2015.

Tỷ giá hối đoái

Hoạt động kinh doanh của Công ty dựa trên cơ sở Việt Nam đồng nên không chịu rủi ro về biến động tỷ giá hối đoái.

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện tại Công ty Cổ phần 471 đã là công ty đại chúng nên hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản dưới luật và các quy định đối với công ty đại chúng.

Tính đến thời điểm hiện tại, thị trường chứng khoán Việt Nam đã ra đời và đi vào hoạt động được 10 năm. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn là một thị trường còn non trẻ và có những đặc thù riêng biệt so với các thị trường chứng khoán tại các quốc gia phát triển cũng như mới nổi khác. Chính vì vậy, hệ thống pháp luật vận hành thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn đang tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện không ngừng. Tất yếu trong quá trình xây dựng và phát triển, hệ thống pháp luật nêu trên không khỏi có những điểm còn nhiều bất hợp lý và thiếu sót, nhiều lúc gây ra những bất tiện và lúng túng cho các đối tượng chịu sự điều chỉnh của nó.

Tuy nhiên, nhìn theo chiều ngược lại thì so với ngày đầu thành lập, các cơ quan xây dựng, ban hành pháp luật cũng đã có nhiều nỗ lực và hệ thống pháp luật áp dụng cho doanh nghiệp nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng cũng đã có nhiều thay đổi, tiến bộ, ngày càng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các chủ thể tham gia thị trường.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù ngành

3.1. Rủi ro về thị trường

Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại quốc tế WTO đã tạo ra cơ hội và thách thức đòi hỏi thị trường xây dựng công trình giao thông phải gia tăng năng lực cạnh tranh, phát triển phù hợp với tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế. Việc mở cửa thị trường sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh cao từ các tổ chức nước ngoài có tiềm lực về tài chính mạnh, quản lý, công nghệ và nhân lực đối với những doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông hiện đang hoạt động trong nước, trong đó có Công ty Cổ phần 471. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đặt mục tiêu từng bước hoàn thiện các mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, nâng cao hiệu quả và tính cạnh tranh của doanh nghiệp.

3.2. Rủi ro về biến động giá

Các nguyên liệu đầu vào như thép, kẽm, xi măng, cát… chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí các công trình xây dựng. Do vậy những biến động về giá cả nguyên vật liệu ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Đa dạng hóa nhà cung cấp cũng như thực hiện công tác dự báo tốt, duy trì mức độ tồn kho nguyên vật liệu ở mức hợp lý cũng là biện pháp giảm thiểu rủi ro biến động giá đối với Công ty.

3.3. Rủi ro về chiếm dụng vốn

Đây là rủi ro đặc thù của các đơn vị xây dựng và xây dựng công trình giao thông nói riêng. Sau khi hoàn thành hạng mục công trình, Công ty thường phải đợi chủ đầu tư thực hiện quyết toán, kiểm toán. Tình trạng thanh quyết toán, thu hồi vốn các công trình xây dựng cơ bản thường diễn ra chậm, điều này gây ảnh hưởng phần nào đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị. Để khắc phục tình trạng này, các phòng ban của Công ty cùng phối hợp để quản lý và theo dõi chặt chẽ tiến độ thực hiện thi công và thanh toán của từng hợp đồng cụ thể nhằm thu hồi vốn nhanh, tránh nợ đọng.

3.4. Rủi ro về tiến độ

Ngành xây dựng có tính không ổn định, phụ thuộc vào các hợp đồng xây dựng được ký kết. Quy trình thực hiện phụ thuộc nhiều vào tiến độ phê duyệt dự án hay công tác đền bù giải phóng mặt bằng, cũng như tiến độ thực hiện của các đơn vị thi công khác cùng thực hiện dự án. Việc thời gian thi công bị kéo dài, chậm tiến độ thường khiến cho chi phí hoạt động của Công ty tăng lên dẫn tới tỷ suất lợi nhuận giảm. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn cố gắng xây dựng kế hoạch và quản lý chặt chẽ tiến độ sản xuất, thi công nhằm hoàn thành các hợp đồng đúng thời hạn.

4. Rủi ro của đợt chào bán, của việc sử dụng vốn từ đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Trong những năm qua, thị trường chứng khoán có nhiều biến động. Cùng với những biến động của kinh tế vĩ mô, hệ quả dẫn đến là thị trường chứng khoán suy giảm. Nhiều Công ty thực hiện tăng vốn, đưa ra thị trường một lượng cung lớn cổ phiếu, trái phiếu. Lượng cung chứng khoán lớn dẫn đến sự cạnh tranh lớn của các cổ phiếu chào bán. Đây cũng là một rủi ro lớn đối với cổ phiếu Công ty Cổ phần 471.

Hơn thế nữa, tâm lý nhà đầu tư cũng là một yếu tố gây rủi ro lớn cho đợt chào bán. Trong thời gian qua, thị trường chứng khoán suy giảm, giá nhiều cổ phiếu giảm điểm gây thiệt hại cho không ít các nhà đầu tư, vì vậy, các nhà đầu tư sẽ có tâm lý thận trọng khi lựa chọn đầu tư các cổ phiếu mới. Đứng trước sự cạnh tranh của nhiều cổ phiếu, sự lựa chọn của các nhà đầu tư là một yếu tố khá rủi ro với đợt chào bán của Công ty.

Tuy nhiên, đối tượng chào bán của đợt phát hành là cổ đông hiện hữu, người lao động, cổ đông chiến lược và phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua với sự nhất trí cao. Và để đảm bảo sự thành công, Công ty đã cùng với đơn vị tư vấn phân tích thị trường, vì vậy rủi ro của đợt phát hành đã được giảm thiểu.

4.2. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Mức độ pha loãng giá cổ phiếu sau khi chào bán

Số cổ phiếu chào bán thêm trong đợt này là 2.000.000 cổ phần, tăng thêm 66,67% so với số cổ phiếu đang lưu hành. Sau khi lượng cổ phiếu này chào bán, giá cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng với mức độ nhất định. Sự điều chỉnh kỹ thuật về giá cổ phiếu được tính theo công thức:

Giá cổ phiếu Công ty Cổ phần 471 sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

P: là giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng

P_{t-1}: là giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng

I: là tỷ lệ vốn tăng

PR: là giá sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới

Vào ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm giá cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh. Giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng P phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng P_{t-1}.

+ Nếu P_{t-1} = PR = 10.000 đồng/cổ phiếu thì giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng P = P_{t-1} = 10.000 đồng/cổ phiếu.

+ Nếu P_{t-1} < PR, thì P_{t-1} <P và P_{t-1} càng thấp thì khoảng cách P – P_{t-1} sẽ càng cao.

+ Nếu P_{t-1} > PR thì P_{t-1} > P và P_{t-1} càng cao thì khoảng cách P_{t-1} - P càng cao. Với mỗi giá P_{t-1} cụ thể ta sẽ có giá P tương ứng.

Ví dụ:

Giả sử giá cổ phiếu trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền P_{t-1} = 15.000 đồng/cổ phiếu. Giá pha loãng cổ phiếu CTY CP 471 sau đợt phát hành được xác định như sau:

$$P = \frac{15.000 + (0,6667 \times 11.000)}{1 + 0,6667} = 13.400 \text{ đồng/cp}$$

- **Lưu ý:** *Cổ phiếu của Công ty chưa được giao dịch tập trung trên thị trường chứng khoán. Do đó, giá thị trường trong ví dụ trên chỉ nhằm mục đích minh họa cụ thể cho nhà đầu tư thấy rõ về sự pha loãng giá cổ phiếu sau khi phát hành, mà không phản ánh đúng giá trị thị trường của cổ phiếu Công ty Cổ phần 471 vào thời điểm chốt danh sách cổ đông và danh sách người lao động để chào bán.*

Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần sau khi chào bán

Số cổ phiếu lưu hành trên thị trường của Công ty sau khi thực hiện chào bán sẽ tăng thêm 66,67% so với số cổ phiếu đang lưu hành, vì vậy thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ được điều chỉnh.

$$\text{EPS bình quân kỳ} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

- Theo kế hoạch kinh doanh năm 2014, giả sử Công ty dự kiến đạt 6.500.000.000 đồng lợi nhuận sau thuế. Trong trường hợp Công ty chào bán thành công 2.000.000 cổ phần mới trong đợt phát hành này vào thời điểm cuối tháng 02 năm 2014, số cổ phần lưu hành bình quân như sau:

$$\text{Số cổ phần lưu hành bình quân} = \frac{3.000.000 \times 02 + 5.000.000 \times 10}{12 \text{ tháng}}$$

= 4.666.666,67 cổ phần

Do đó, thu nhập bình quân mỗi cổ phần năm 2014 dự kiến là:

$$\text{EPS bình quân kỳ} = \frac{6.500.000.000}{4.666.666,67} = 1.393 \text{ đồng/cổ phần}$$

Trong trường hợp đợt chào bán không thành công, EPS năm 2014 dự kiến là:

$$\text{EPS bình quân kỳ} = \frac{6.500.000.000}{3.000.000} = 2.167 \text{ đồng/cổ phần}$$

Như vậy, nếu Công ty thành công trong đợt chào bán, thu nhập trên mỗi cổ phần của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm khoảng 774 đồng/cổ phần so với trường hợp không chào bán.

- *Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận với tốc độ tăng số lượng cổ phần: số lượng cổ phần tăng lên nhưng lợi nhuận sau thuế không tăng hoặc tăng với tốc độ chậm hơn sẽ làm cho thu nhập trên mỗi cổ phần sẽ bị giảm. Mức độ pha loãng thu nhập sẽ được khắc phục khi công ty làm ăn tốt, hiệu quả sử dụng vốn cao.*

Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần tại ngày giao dịch không hưởng quyền

Giả sử giá cổ phiếu trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền là 15.000 đồng/cổ phần.

$$\text{Giá cổ phần sau ngày chốt DS cổ đông} = \frac{15.000 + (0,6667 \times 11.000)}{1 + 0,6667} = 13.400 \text{ đồng/cp}$$

$$\text{Hệ số điều chỉnh giá} = \frac{15.000}{13.400} = 1,12 \text{ lần}$$

Giả sử EPS của Công ty năm 2013 là 2.000 đồng/cổ phần, EPS điều chỉnh của Công ty tại ngày giao dịch không hưởng quyền của Công ty bị pha loãng cụ thể như sau:

$$\text{EPS chỉnh giá} = \frac{2.000}{1,12} = 1.785 \text{ đồng/cổ phần}$$

Như vậy, tại ngày giao dịch không hưởng quyền, thu nhập trên mỗi cổ phần của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm khoảng 215 đồng/cổ phần.

Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phần đã phát hành – cổ phiếu quỹ}}$$

- *Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (tối đa là 66,67% và giả sử không thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.*

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa,... là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Do vậy, trong hoạt động của mình, Công ty Cổ phần 471 luôn chú ý đến các nhân tố có ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh để có những biện pháp xử lý phù hợp nhằm giảm thiểu những thiệt hại có thể có.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông **Vương Đình Ngũ**	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông **Mai Anh Đồng**	Giám đốc
Ông **Lê Thái Quang Hào**	Kế toán trưởng
Bà **Đặng Thị Nga**	Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện:	Ông **Lê Thái Hưng**
Chức vụ:	Phó Tổng Giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số 255B/UQ – VICS ngày 01/09/2013)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần 471. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần 471 cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần 471.
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Thuế (ATC) là công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần 471.
Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
Điều lệ	Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần 471 thông qua.
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần đã phát hành của Công ty Cổ phần 471
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam.
Những người có liên quan	Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: (i) Công ty mẹ và công ty con (nếu có); (ii) Công ty và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của công ty đó thông qua các cơ quan quản lý công ty; (iii) Công ty và những người quản lý công ty; (iv) Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thâu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty; (v) Bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của người quản lý công ty, thành viên công ty, cổ đông có cổ phần chi phối.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

Công ty	Công ty Cổ phần 471
Điều lệ	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần 471
VICS	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam

TSCĐ	Tài sản cố định
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán nhà nước
BCTC	Báo cáo tài chính
CBNV	Cán bộ nhân viên
TCPH	Tổ chức phát hành
LNST	Lợi nhuận sau thuế

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần 471 tiền thân là Công trường 71 C thuộc Cục Công trình I – Bộ Giao thông vận tải, được thành lập theo Quyết định số 619/QĐ – TCCB của Bộ Giao thông vận tải ngày 19/05/1971. Trụ sở chính của Công trường đóng tại xã Hương Phú, Huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Công trường đã tham gia xây dựng đường 71 (tức đường 15c) dài 264 km, tham gia mở 200 km đường Trường Sơn, ...
- Năm 1974, Công trường 71 C được đổi tên thành Công ty đường 771 theo Quyết định của Cục Công trình I. Thời gian này, Công ty đã triển khai thi công nền đường hai đầu cầu Cấm (đường sắt, đường bộ đi chung) và thiết kế, cải tạo, nạo vét 600 m Kênh nhà Lê ở phía bắc;.....
- Năm 1983, Công ty Đường 771 được đổi tên thành Xí nghiệp Đường bộ 471 (thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp Xây dựng công trình giao thông khu vực 4)
- Năm 1992, Xí nghiệp Đường bộ 471 được đổi tên thành Công ty đường bộ 471.
- Ngày 25/08/2008, Bộ Giao thông vận tải đã ra Quyết định số 2576/QĐ – BGTVT về việc chuyển Công ty Đường bộ 471 thành Công ty Cổ phần 471 trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4.
- Ngày 01/01/2009, Công ty Cổ phần 471 chính thức được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900324868 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, với số vốn điều lệ ban đầu là 24 tỷ đồng.

- Qua quá trình hình thành và phát triển, Công ty đã ngày một lớn mạnh và thực hiện nhiều công trình trọng điểm, điển hình như: khôi phục xây dựng đường sắt Thống Nhất, sân bay Sao Vàng, đường sắt vào nhà máy xi măng Bỉm Sơn, Nghi Sơn (Thanh Hoá), đường vào nhà máy xi măng Hoàng Mai, cảng Cửa Lò, đường hai đầu cầu Bến Thuỷ (Nghệ An), cầu sông Gianh, cầu Quán Hàu (Quảng Bình), dự án quốc lộ 1A đoạn Vinh - Cầu Họ, quốc lộ 8A, quốc lộ 46 (đoạn Vinh – Nam Đàn), đường đi quê nội, quê ngoại Bác Hồ, dự án đường Hồ Chí Minh, đường nối QL 1A với đường Trần Phú (TP Nha Trang), quốc lộ II (Phú Thọ), quốc lộ III (Thái Nguyên - Bắc Kạn), cảng Vũng Áng (Hà Tĩnh) .... Và hiện tại, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên là 30 tỷ đồng.

1.2. Một số thông tin cơ bản về Công ty

- Tên Công ty: **Công ty Cổ phần 471**
- Tên tiếng Anh: Joint Stock Company No. 471
- Tên viết tắt: JSC 471
- Trụ sở chính: Số 9 Phạm Nhật Duật, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Điện thoại: 0383.842.356
- Fax: 0383.848.964
- Website : www.cty471.com.vn
- Biểu tượng Công ty :
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 *(Ba mươi tỷ)* đồng
- Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, công trình ngầm, đường hầm, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình cấp thoát nước, đường điện, trạm biến áp đến 35 KV, công trình bưu chính, viễn thông;
- Nạo vét, đào đắp, san lấp mặt bằng;
- Trang trí nội, ngoại thất công trình xây dựng;
- Tư vấn sử dụng vật liệu xây dựng, quản lý dự án, đấu thầu;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế công trình giao thông cầu, đường bộ;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng, công trình xây dựng;
- DỊch vụ kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình;

- Sản xuất, đại lý mua bán vật liệu xây dựng;
- Khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản;
- Sản xuất, gia công, chế tạo, mua bán cấu kiện bê tông, kim loại và bán thành phẩm xây dựng;
- Gia công, sửa chữa cơ khi, máy xây dựng, ô tô;
- Dịch vụ cho thuê bến bãi, kho, văn phòng;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ, vận tải hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, dịch vụ và du lịch;
- Đại lý mua bán xăng dầu, gas;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng: khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, khu dân cư, khu đô thị, khu thương mại, đường giao thông, công trình thủy lợi, thủy điện, khu du lịch;

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty Cổ phần 471 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, các Luật khác và điều lệ Công ty Cổ phần 471 được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 29 tháng 04 năm 2011.

Biểu đồ 1 – Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần 471

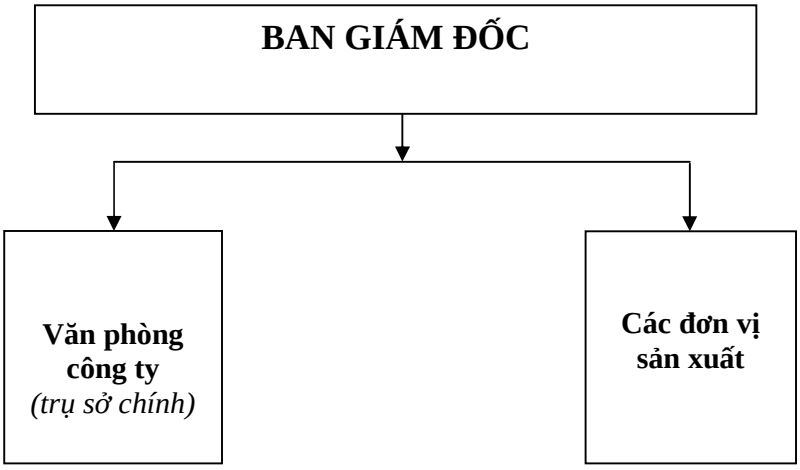

❖ ***Trụ sở chính:***

Địa chỉ : Số 9 Phạm Nhật Duật, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 0383.842.356

Fax : 0383.848.964

❖ ***<u>Các đơn vị sản xuất, gồm</u>: 09 đội sản xuất cơ giới và 01 xưởng sửa chữa thiết bị***

- Đội cơ giới 1: Đội sản xuất cơ giới
- Đội cầu 2: Đội sản xuất cơ giới
- Đội cơ giới 3: Đội sản xuất cơ giới
- Đội cơ giới 4: Đội sản xuất cơ giới
- Đội cơ giới 5: Đội sản xuất cơ giới
- Đội cơ giới 6: Đội sản xuất cơ giới
- Đội cơ giới 7: Đội sản xuất cơ giới
- Đội cơ giới 9: Đội sản xuất cơ giới
- Đội cơ giới 10: Đội sản xuất cơ giới
- Xưởng SCTB : Xưởng sữa chữa TB

Ngoài ra tùy theo tình hình cụ thể của sản xuất công ty có thể thành lập các công trường sản xuất để đảm bảo hiệu quả của sản xuất kinh doanh và tiến độ công trình.

Các Đội sản xuất trực tiếp và công trường chịu trách nhiệm thi công các công trình theo kế hoạch được giao theo đúng tiến độ, chất lượng và mỹ thuật. Xưởng sữa chữa thiết bị chịu trách nhiệm sữa chữa xe máy, thiết bị nội bộ công ty ; xây dựng, lắp đặt trạm xay đá, trạm trộn bê tông nhựa trên các công trường....

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Biểu đồ 2 – Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần 471

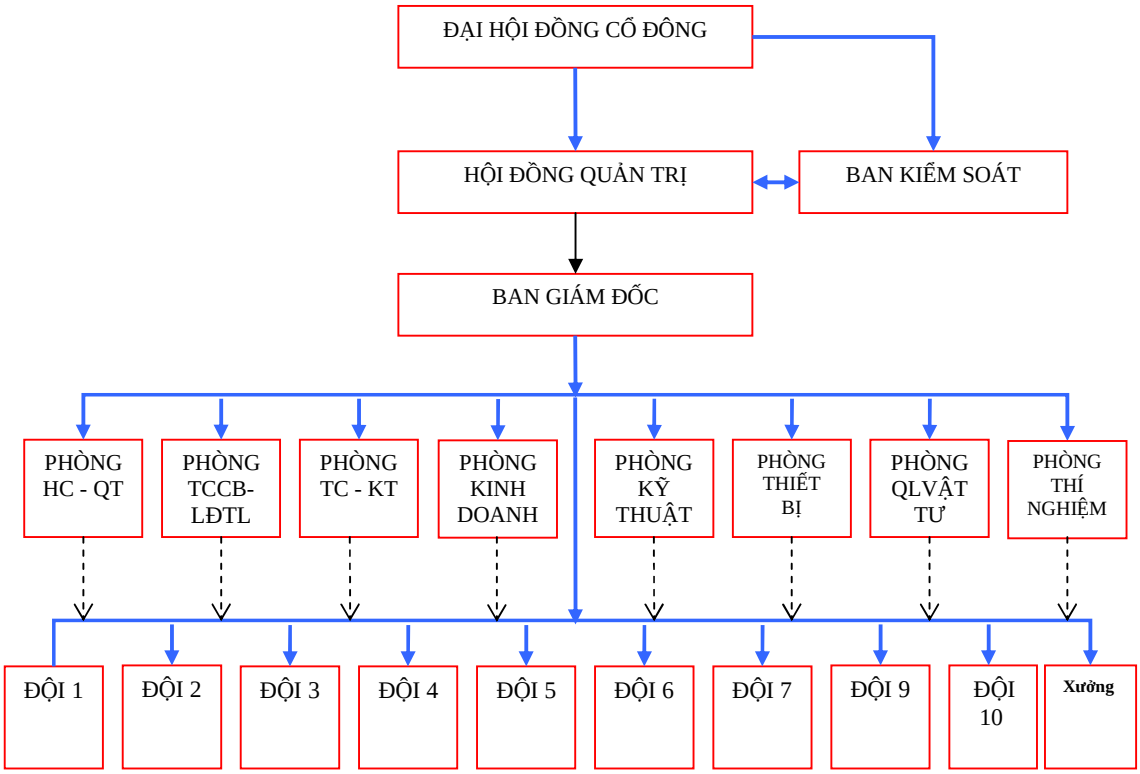

Ghi chú: ⟶ : *Quản lý, điều hành trực tiếp*

- - -▸ : Giám sát hoạt động

3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty...

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty quy định. HĐQT của

Công ty có 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra và là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

1. Ông **Vương Đình Ngũ** Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông **Mai Anh Đồng** Thành viên Hội đồng quản trị
3. Bà **Nguyễn Văn Toàn** Thành viên Hội đồng quản trị
4. Ông **Nguyễn Ngọc Hưng** Thành viên Hội đồng quản trị
5. Ông **Hồ Tuấn Dũng** Thành viên Hội đồng quản trị

3.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc, Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

1. Bà **Đặng Thị Nga** Trưởng Ban kiểm soát
2. Ông **Nguyễn Trí Dũng** Thành viên Ban kiểm soát
3. Ông **Đỗ Quyết Thắng** Thành viên Ban kiểm soát

3.4. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần 471 gồm có 05 thành viên, trong đó có 01 Giám đốc và 04 Phó Giám đốc. Giám đốc là người điều hành và chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, điều lệ Công ty. Giúp việc cho Giám đốc trên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh là các Phó Giám đốc. Các Phó Giám đốc được HĐQT bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc.

Danh sách Ban Giám đốc

1. Ông **Mai Anh Đồng** Giám đốc
2. Ông **Nguyễn Văn Toàn** Phó Giám đốc
3. Ông **Hồ Tuấn Dũng** Phó Giám đốc
4. Ông **Vũ Hồng Trung** Phó Giám đốc
5. Ông **Nguyễn Ngọc Hưng** Phó Giám đốc

3.5. Các phòng ban chức năng

3.5.1. Phòng Hành chính – Quản trị

- Thực hiện chức năng bảo vệ cơ quan, công tác lễ tân, tiếp khách đối ngoại, theo dõi công văn đến, đi, trực điện thoại, fax, phô tô tài liệu nội bộ; theo dõi đội ngũ lái xe con; đảm bảo các nhu cầu văn phòng, hành chính trong công ty, chịu trách nhiệm vệ sinh, y tế trong khu vực cơ quan...
- Tham mưu cho Ban Giám đốc công tác bảo vệ, trật tự trị an và dân quân tự vệ theo pháp luật quy định;
- Tổ chức hội họp, hội nghị và phục vụ tiếp đón khách theo yêu cầu của Ban Giám đốc, quản lý khu cư xá nhân viên của công ty;
- Tổ chức công đoàn, giải quyết tranh chấp lao động (nếu có);
- Đầu tư xây dựng cơ bản, thanh tra, kiểm soát của công ty.

3.5.2. Phòng Tổ chức cán bộ - Lao động tiền lương

- Tham mưu cho Ban Giám đốc công tác tổ chức lao động, công tác nhân sự hợp lý đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, dịch vụ của công ty;
- Xây dựng, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các định mức lao động, chi phí khoán, các quy chế, quy định quản lý liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động trong công ty;
- Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các chế độ tiền lương, bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn môi trường, phòng cháy chữa cháy, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Nhà nước;
- Tham mưu cho Ban Giám đốc thực hiện chế độ thanh tra, kiểm tra, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật lao động;
- Quản lý và sử dụng đúng chế độ quy định các loại công văn, giấy tờ, hồ sơ, con dấu, tài sản, phương tiện phục vụ công tác thuộc lĩnh vực tài chính;

3.5.3. Phòng Tài chính Kế toán

- Tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch tài chính về chiến lược dài hạn cũng như kế hoạch tháng, quý, năm của công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo thống kê đúng tiến độ theo sự chỉ đạo của Ban Giám đốc công ty và báo cáo thống kê định kỳ với quy định Nhà nước;
- Theo dõi thực hiện hợp đồng, thanh lý hợp đồng và kiểm tra thực hiện định mức chi phí khoán;

- Khai thác các nguồn vốn đáp ứng kịp thời cho nhu cầu kinh doanh và thực hiện đúng chế độ quy định về quản lý sử dụng vốn;
- Thực hiện đúng chế độ các khoản nộp ngân sách và nộp cấp trên, trích lập và quản lý sử dụng các quỹ của công ty đúng chế độ Nhà nước quy định;
- Tổ chức bộ máy kế toán, xây dựng quy trình hạch toán kế toán và thực hiện chế độ hạch toán kế toán đúng theo luật kế toán, đồng thời phải đáp ứng kịp thời số liệu phục vụ cho việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh của công ty;
- Tổ chức công tác thanh quyết toán, báo cáo công tác giá thành, phân tích giá thành tham mưu cho Ban Giám đốc sử dụng tài sản, tiền vốn đạt hiệu quả cao nhất;

3.5.4. Phòng kinh doanh

Tham mưu cho Giám đốc trong công tác kinh doanh của công ty, lập các hồ sơ đấu thầu các công trình, tìm kiếm việc làm, theo dõi và đôn đốc việc thực hiện các kế hoạch sản xuất của công ty ở các đơn vị sản xuất. Soạn thảo các hợp đồng kinh tế và các thủ tục thanh quyết toán, thanh lý hợp đồng với các chủ đầu tư và các đối tác kinh doanh cũng như nội bộ công ty. Lập các dự toán chỉnh lý công trình để trình duyệt, lập dự toán nội bộ công ty và trình các phương án giao khoán cho các đội sản xuất.

Lập báo cáo thực hiện kế hoạch hàng quý, năm và phương hướng nhiệm vụ cho kỳ sau cho các cấp quản lý đồng thời thông báo cho các bộ phận trong công ty biết để thực hiện.

3.5.5. Phòng Quản lý vật tư

Tham mưu cho Giám đốc trong công tác vật tư tổ chức cung ứng các vật tư chính cho các đội sản xuất và cho toàn công ty một cách đầy đủ kịp thời trên cơ sở nhiệm vụ sản xuất dự trù mua sắm vật tư, ký các hợp đồng mua bán vật tư.

Lập các định mức tiêu hao nhiên liệu, định mức sử dụng vật tư cho các đơn vị nội bộ, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra các quá trình sử dụng vật tư.

3.5.6. Phòng kỹ thuật

Phòng Kỹ thuật là phòng nghiệp vụ, có chức năng tham mưu cho lãnh đạo Công ty về các lĩnh vực sau:

- Xây dựng kế hoạch, triển khai các công việc có liên quan đến công tác kỹ thuật và công nghệ thi công.
- Soạn thảo các văn bản về kỹ thuật thi công của công trình.

- Thiết kế tổ chức thi công công trình, hạng mục công trình.
- Chỉ đạo lập hồ sơ hoàn công các công trình.
- Thường trực Hội đồng khoa học kỹ thuật của Công ty.
- Tham gia chỉ đạo thi công các công trình, hạng mục công trình.
- Chủ trì giám sát, quản lý kỹ thuật, chất lượng, tiến độ, an toàn lao động các công trình, hạng mục công trình.
- Thành viên hội đồng thi nâng cấp bậc thợ công nhân kỹ thuật.
- Lập biện pháp thi công để đấu thầu các dự án.
- Thực hiện các công việc khác khi Giám đốc giao nhiệm vụ.

3.5.7. Phòng thí nghiệm

Thực hiện công tác thí nghiệm, kiểm tra , kiểm chuẩn các loại vật liệu xây dựng trước khi đưa vào thi công, kiểm tra chất lượng công trình thi công theo tiêu chuẩn nhà nước quy định.

3.5.8. Phòng quản lý thiết bị

Tham mưu cho Giám đốc trong công tác thiết bị, bố trí xe máy, thiết bị thi công cho các công trình. Trên cơ sở nhiệm vụ sản xuất lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa thiết bị xe máy, tổ chức đấu thầu và ký các hợp đồng cung cấp thiết bị. Theo dõi , hướng dẫn, kiểm tra quá trình sử dụng thiết bị.

3.5.9. Xưởng sửa chữa thiết bị

- Xưởng sữa chữa thiết bị chịu trách nhiệm sữa chữa xe máy, thiết bị nội bộ công ty ; xây dựng, lắp đặt trạm xay đá, trạm trộn bê tông nhựa trên các công trường...

3.5.10. Các đội sản xuất cơ giới

Là các đơn vị chức năng cơ sở, tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất, sử dụng và khai thác các nguồn lực để thực hiện các công việc cụ thể tại công trường.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông

4.1. Cơ cấu cổ đông tại ngày 24/11/2013

Bảng 1 – Cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần 471 tại ngày 24/11/2013

Cổ đông	Số lượng *(người)*	Số cổ phần	Giá trị *(triệu đồng)*	Tỷ lệ (%)

I. Cổ đông trong nước	**387**	**3.000.000**	**30.000**	**100**
1. Cổ đông tổ chức	01	1.486.920	14.869,20	49,56
2. Cổ đông cá nhân	386	1.513.080	15.130,80	50,44
II. Cổ đông nước ngoài	**0**	**0**	**0**	**0**
1. Cổ đông tổ chức	0	0	0	0
2. Cổ đông cá nhân	0	0	0	0
III. Cổ phiếu Quỹ	**0**	**0**	**0**	**0**
Tổng cộng	**387**	**3.000.000**	**30.000**	**100**

Nguồn: Theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/11/2013 của Công ty Cổ phần 471

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại ngày 24/11/2013

Bảng 2 – Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần 471 tại ngày 24/11/2013

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị *(triệu đồng)*	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4	Tầng 10 – 11, tòa nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	1.486.920	14.869,20	49,56
Tổng cộng		**1.486.920**	**14.869,20**	**49,56**

Nguồn: Theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/11/2013 của Công ty Cổ phần 471

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến ngày 24/11/2013

Bảng 3 – Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến ngày 24/11/2013

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị *(đồng)*	Tỷ lệ (%)
1. Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4	Tầng 10 -11, tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.	1.486.920	14.869.200.000	49,56%
Người đại diện quản lý phần vốn Nhà nước:				
- *Vương Đình Ngũ*	*Số 9 ngõ 3 K3 – P. Quán Hàu – TP. Vinh – Tỉnh Nghệ An.*	*892.152*	*8.921.520.000*	*29,74%*

- *Mai Anh Đồng*	*K9 – P. Hà Huy Tập – TP. Vinh – Tỉnh Nghệ An*	*594.768*	*5.947.680.000*	*19,83%*
2. Nguyễn Quang Vinh	Số 7, Trần Nhật Duật, TP. Vinh – T. Nghệ An	30.520	305.200.000	1,02%
3. Vương Đình Ngũ	Số 9 ngõ 3 K3 – P. Quán Hàu – TP. Vinh – Tỉnh Nghệ An.	52.800	528.000.000	1,76%
4. Nguyễn Văn Toàn	K11 – P. Trung Đô – TP. Vinh – Tỉnh Nghệ An	15.400	154.000.000	0,51%
5. Nguyễn Ngọc Hưng	Khu TT Công ty CP 471 – K7 P. Đội Cung – TP. Vinh – T. Nghệ An	10.863	108.630.000	0,36%
6. Hồ Tuấn Dũng	K8 P. Đội Cung – TP. Vinh – T. Nghệ An	11.223	112.230.000	0,37%
Tổng cộng		**1.607.726**	**1.607.7260.000**	**53,59%**

Nguồn: Theo danh sách cổ đông chốt ngày 24/11/2013 của Công ty Cổ phần 471

Ghi chú: Theo khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp năm 2005, cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng số cổ phần sáng lập của mình trong thời hạn là 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu (ngày 01 tháng 01 năm 2009). Hiện tại, các cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cổ phần.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1 Công ty mẹ của tổ chức phát hành

Không có

5.2 Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Hiện Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty nào.

5.3 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4

Trụ sở chính : Tầng 10 – 11 tòa nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

Tên viết tắt : CIENCO 4

Địa chỉ liên hệ : Tầng 10 – 11 tòa nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 84-4-3 642 0371

Fax : 84-4-3 681 1275

Email : cienco4na@gmail.com

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Sản xuất, sửa chữa phương tiện thi công; sản xuất dầm cầu thép, thiết bị, cấu kiện thép; đóng mới canô, xà lan và các sản phẩm cơ khí khác;
- Vận chuyển vật tư thiết bị cấu kiện phục vụ thi công;
- Cung ứng xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị giao thông vận tải;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình khác bao gồm: thủy lợi, thủy điện, nhà ở đô thị, quốc phòng;
- Đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng kinh doanh chuyển giao (BOT); xây dựng, quản lý, kinh doanh BOO; xây dựng, chuyển giao BT;
- Xuất khẩu lao động;
- Đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện; sản xuất, kinh doanh điện;
- Đầu tư, xây dựng nhà máy xi măng; sản xuất và kinh doanh xi măng;
- Khai thác và kinh doanh nước khoáng thiên nhiên.

Hiện tại Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 đang nắm giữ 49,56% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần 471.

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Toàn bộ quá trình tăng vốn của Công ty như sau:

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
06/12/2008	24.000		Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, chuyển công ty đường bộ 471 thành công ty Cổ phần 471.	Giấy Chứng nhận ĐKKD số 2703002168 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2009
09/05/2011	30.000	6.000	- Phát hành cho cổ đông hiện hữu: 480.000 cổ phần. - Phát hành cho người lao động: 60.000 cổ phần - Phát hành cổ đông chiến lược: 60.000 cổ phần	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. *(Giấy chứng nhận số 19/UBCK – GCN ngày 11/02/2011.*

(Nguồn: Công ty Cổ phần 471)

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản phẩm và dịch vụ chính

Hiện tại mảng hoạt động chính của Công ty là xây dựng các công trình giao thông, thi công các công trình cầu đường, cầu cảng, công trình thủy lợi. Bên cạnh đó, Công ty còn cung cấp dịch vụ cho thuê thiết bị thi công như ván khuôn, cọc ván thép, trạm trộn bê tông....

Bảng 4 – Giá trị sản phẩm/dịch vụ theo doanh thu năm 2011-2013

Hoạt động	Năm 2011		Năm 2012		9 tháng 2013	
	Doanh thu *(tr.đ)*	Tỷ trọng	Doanh thu *(tr.đ)*	Tỷ trọng	Doanh thu *(tr.đ)*	Tỷ trọng
Hoạt động xây dựng	206.409	99,56%	335.343	98,85%	291.276	97,14%
Hoạt động cung cấp dịch vụ	916	0,44%	3.896	1,15%	8.575	2,86%
Tổng cộng	**207.325**	**100%**	**339.239**	**100%**	**299.851**	**100%**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC 9 tháng 2013 do Công ty Cổ phần 471 tự lập)

Biểu đồ 3 - Biểu đồ tăng trưởng doanh thu các sản phẩm/dịch vụ của Công ty Cổ phần 471

(ĐVT: triệu đồng)

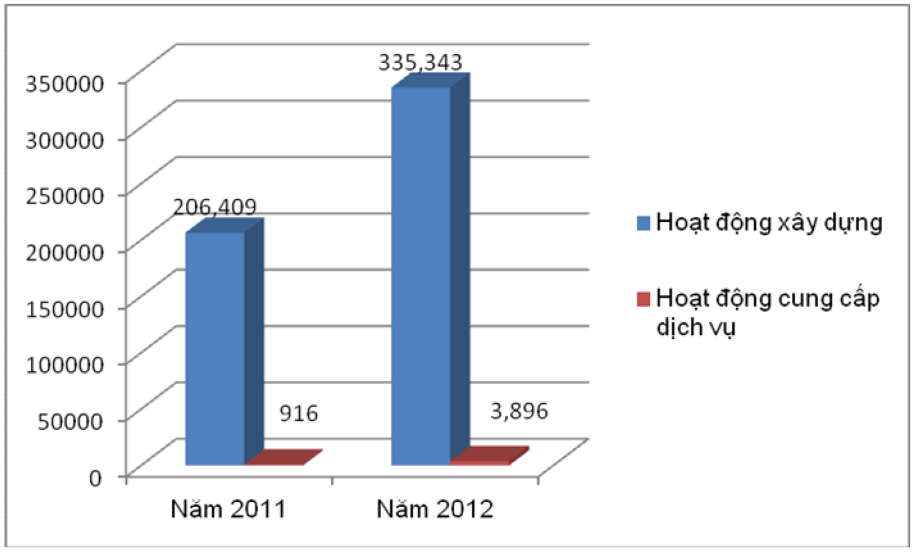

Bảng 5 – Giá trị sản phẩm/dịch vụ theo lợi nhuận gộp năm 2011 –2013

Hoạt động	Năm 2011		Năm 2012		9 tháng 2013	
	LN gộp *(tr.đ)*	Tỷ trọng	LN gộp *(tr.đ)*	Tỷ trọng	LN gộp *(tr.đ)*	Tỷ trọng
Hoạt động xây dựng	29.792	97,47%	38.371	94,07%	20.859	89,19%
Hoạt động cung cấp dịch vụ	772	2,53%	2.420	5,93%	2.529	10,81%
Tổng cộng	**30.564**	**100%**	**40.791**	**100%**	**23.388**	**100%**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC 9 tháng 2013 do Công ty Cổ phần 471 tự lập)

Biểu đồ 4 – Biểu đồ tăng trưởng lợi nhuận gộp theo các sản phẩm/dịch vụ của Công ty Cổ phần 471 (ĐVT: triệu đồng)

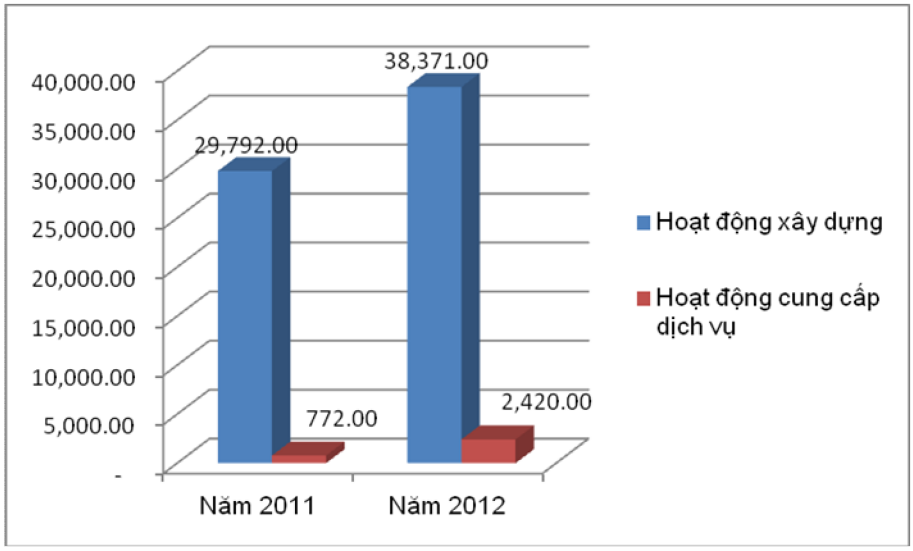

7.2. Nguyên vật liệu

7.2.1. Nguồn nguyên vật liệu

Công ty mua nguyên vật liệu từ doanh nghiệp trong nước có uy tín. Một số nhà cung cấp lớn truyền thống:

Vật liệu	Nhà cung cấp
Đá các loại	- Công ty Cổ phần Trường Sơn - Công ty Cổ phần Phương Nhung - Công ty Cổ phần khai thác đá chế biến Thạch Hải - Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Bình Minh Việt Nam

	- Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Nhựa đường	- Công ty TNHH Nhựa đường PUMA ENERGY Việt Nam - Công ty TNHH cung ứng nhựa đường (ADCo) - Công ty Nhựa đường PLC - Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Vật tư Giao thông
Thép các loại	- Công ty TNHH Hòa Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại SMC - Công ty Cổ phần Nhân Luật Miền Trung
Thép xi măng các loại	- Công ty TNHH TM Hà Căn
Xi măng các loại	- Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Miền Trung
Bê tông	- Công ty Cổ phần Bê tong Xây dựng Hà Nội
Sơn dẻo nhiệt	- Công ty Cổ phần SIVICO
Nhũ tương, MC	- Xí nghiệp Nhũ tương nhựa đường TRANSMECO – CHAMBARD
Phụ gia bê tông, Vải địa kỹ thuật	- Công ty TNHH Trường Vinh
Tôn sóng hộ lan	- Công ty TNHH Phú Nguyên Hoàng
Xăng dầu các loại	- Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh - Công ty Xăng dầu Lai Châu - Công ty Xăng dầu Ninh Thuận - Công ty Xăng dầu Nghệ An - Công ty Xăng dầu Quảng Trị - Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế - Công ty Xăng dầu khu vực I
Cát các loại	- Công ty Cổ phần Cát sỏi Miền Trung
Bột đá mịn	- Công ty CP Đầu tư và phát triển thương mại Quyết Thắng
Xi măng	- Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tĩnh
Cát vàng	- Công ty TNHH Quang Thành Phát
Bột đá mịn	- Công ty TNHH Hằng Quang
Đất, cát, đá các loại	- Công ty TNHH Vĩnh Ngọc - Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 28-10 Thăng Long.
Đất các loại	- Doanh nghiệp tư nhân Cường Hải
Tôn	- Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Hoa Sen tại Hà Tĩnh

(Nguồn: Công ty Cổ phần 471)

7.2.2. Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Nguồn nguyên vật liệu chính của Công ty Cổ phần 471 được các doanh nghiệp lớn cung cấp có uy tín nên Công ty đảm bảo được yếu tố đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất. Do đặc thù của lĩnh vực xây dựng nên các công trình của Công ty đang thi công nằm rải rác ở nhiều nơi trên lãnh thổ Việt Nam, do đó việc tìm nguồn cung ứng nguyên vật liệu được Công ty giao cho Phòng Vật tư kết hợp với đơn vị thi công trực tiếp tìm tại địa bàn nơi hoạt động xây lắp diễn ra. Chính vì thế nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho hoạt động của Công ty rất đa dạng.

Tuy nhiên, giá cả của nguồn cung ứng này hoàn toàn phụ thuộc vào thị trường, vì thế Công ty luôn luôn đối mặt với tính không ổn định của giá cả các nguồn cung ứng này. Để hạn chế ảnh hưởng này Công ty luôn duy trì phát triển mạng lưới các đối tác cung ứng truyền thống, đồng thời chủ động xác định sớm về thời điểm phát sinh nhu cầu nguyên vật liệu, để xây dựng dự toán công trình chính xác và kiểm soát được giá cả đồng thời Công ty ký các Hợp đồng xây lắp đều dựa trên khối lượng thực tế nghiệm thu và giá điều chỉnh theo giá cả thị trường.

(Nguồn: Công ty Cổ phần 471)

7.2.3. Sự ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Sự biến động giá cả nguyên vật liệu theo chiều hướng tăng trong thời gian ngắn sẽ làm cho kinh phí đầu tư của các chủ đầu tư tăng theo. Điều này ảnh hưởng đến chi phí đầu vào nói riêng cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn ngành xây dựng.

Là một công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng, chi phí sản xuất của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng bởi sự biến động giá cả nguyên vật liệu xây dựng như sắt thép, xi măng... Khi giá cả vật liệu xây dựng tăng đột biến sẽ nhanh chóng tác động đến giá cả các yếu tố đầu vào của Công ty, đẩy chi phí lên cao đối với các hợp đồng thi công dài hạn đã ký, điều này có thể gây ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã có những biện pháp nhất định để hạn chế sự ảnh hưởng từ sự thay đổi về chi phí đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

7.3. Chi phí kinh doanh

Bảng 6 – Chi phí kinh doanh năm 2011-2013

Hoạt động	Năm 2011		Năm 2012		9 tháng 2013	
	Giá trị *(tr.đ)*	%/DTT	Giá trị *(tr.đ)*	%/DTT	Giá trị *(tr.đ)*	%/DTT

Giá vốn hàng bán	176.760	85,26%	298.448	87,98%	276.463	92,20%
Chi phí tài chính	9.375	4,52%	13.937	4,11%	8.059	2,69%
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.635	7,54%	19.003	5,60%	13.741	4,58%
Chi phí khác	978	0,47%	2.249	0,66%	482	0,16%
Tổng cộng	**202.748**	**97,79%**	**333.637**	**98,35%**	**298.745**	**99,63%**

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC 9 tháng 2013 do Công ty Cổ phần 471 tự lập)

Giống như rất nhiều đơn vị xây dựng, chi phí giá vốn hàng bán của Công ty Cổ phần 471 cũng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí kinh doanh. Các chi phí khác không đáng kể. Tỷ trọng tổng chi phí/doanh thu năm sau tăng so với năm trước. Năm 2011, để tạo ra 100 đồng doanh thu Công ty phải bỏ ra 97,79 đồng chi phí, đến năm 2012 để tạo ra 100 đồng doanh thu Công ty phải bỏ ra 98,35 đồng chi phí, tăng 0,56 đồng chi phí so với năm 2011.

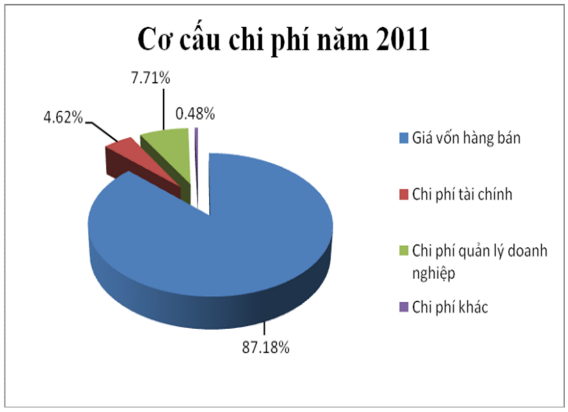

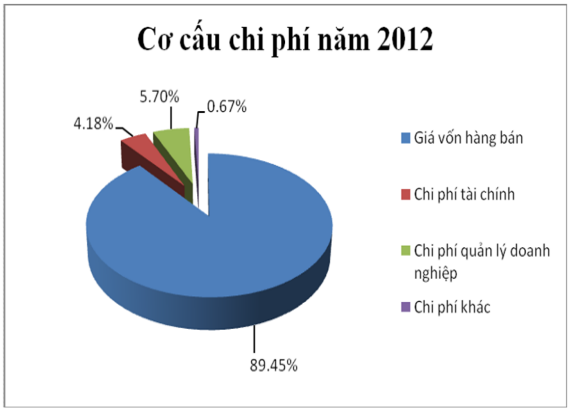

7.4. Trình độ công nghệ

Để đảm bảo tiến độ, cũng như chất lượng các công trình mà Công ty thi công, Công ty Cổ phần 471 luôn chú trọng đến công tác đầu tư máy móc, công nghệ thiết bị hiện đại. Hiện tại, Công ty đã đầu tư 42 ô tô, 8 ô tô con; 2 đầu kéo; 5 bộ phận trạm nghiền sàng đá; 15 máy lu rung; 11 máy lu tĩnh; 12 máy nén khí; 1 máy nghiền đá, 2 máy nghiền bột đá; 5 máy san; 17 máy trộn bê tông; 14 máy xúc đào bánh xích; và nhiều máy móc, thiết bị khác như: máy xay đá; máy rải asphalt; máy san; bộ dầm thép; máy khoan ; máy đầm;.....

DANH SÁCH MỘT SỐ THIẾT BỊ, CÔNG NGHỆ CỦA CÔNG TY

Số TT	Tên gọi	Số lượng	Nước SX	Thông số đặc trưng	Nguyên giá(ngàn VNĐ)	Địa điểm thực hiện
1	Đầu kéo HYUNDAI	01	Hàn Quốc	Trọng tải 16,5 tấn	938.889	Cơ quan Công ty
2	Đầu kéo FREIGHTLINER	01	Mỹ	Trọng tải 15,3 tấn	534.959	Cơ quan Công ty
3	Bộ phận trạm nghiền sàng	05	Việt Nam	150m3/h	2.368.902	Mỏ đá Hoàng Mai
4	Cần trục bánh hơi KPAZ KC4561	02	CHLB Nga	Sức nâng 16 tấn	709.523	Cầu Bản Vẽ và Sân bay Nội bài
5	Cần trục bánh xích KOBELCO 7055-2	02	Nhật Bản	Sức nâng 55 tấn	10.772.726	Sân bay Nội Bài
6	Bộ đầu khoan thuỷ lực gầu xoay	02	Việt Nam	Đường kính khoan 2,3m; chiều sâu khoan max 68m	2.981.818	Sân bay Nội Bài
7	Máy đầm MIKASA MT-55	06	Nhật Bản	Lực đập 1000 kg; tải trọng 57 kg	155.174	Đường Thạch Hội; Sân bay Nội Bài; Chợ Rã Bắc Kạn; Cầu Nhật Tân
8	Máy khoan đá nổ mìn TAMROCK CHA 550	01	Phần Lan	ĐK mũi khoan (51-89)mm	2.659.322	Cầu Nhật Tân

9	Máy lu rung 2 bánh lốp 1 bánh sắt SAKAI SV512-H	04	Indonesia	Tự trọng tĩnh 10,5 tấn	3.849.715	Quốc lộ 1A Hà Tĩnh; Gói 5 Nhật Tân – Nội Bài; Sân bay Nội Bài
10	Máy lu rung 2 bánh lốp 1 bánh sắt SAKAI SV500TF	01	Nhật Bản	(15-25) tấn	888.759	Dự án Lim-Nam Sơn
11	Máy lu rung 2 bánh sắt BOMAG BW164AD	01	CHLB Đức	10,31 tấn	482.760	Gói 5 Nhật Tân nội bài
12	Máy lu rung 2 bánh lốp 1 bánh sắt Bomag BW212D-3	02	CHLB Đức	(11,88-28,1) tấn	1.700.175	Quốc lộ 3B Bắc Kạn; Công trường cầu Diễn Thành
13	Máy lu rung 2 bánh sắt DYNAPAC CC422	01	Thuỵ Điển	10 tấn	874.716	Quốc lộ 27 Ninh Thuận
14	Máy lu rung 2 bánh lốp 1 bánh sắt HAMM 3410	05	CHLB Đức	Tự trọng tĩnh 10,53 tấn	6.305.449	Quốc lộ 1A Hà Tĩnh; Đường sắt Lim-Nam Sơn
15	Máy lu rung HD110	01	CHLB Đức	Tự trọng >= 10 tấn	2.416.849	Quốc lộ 1A Hà Tĩnh
16	Máy ủi CAT D7G	01	Nhật Bản		1.944.635	Tỉnh lộ 127 Lai Châu

17	Máy ủi Komatsu D53P-18E	03	Nhật Bản	Kích thước lưỡi ủi cao x rộng = 1030x3510	3.463.203	Dự án Lim-Nam Sơn; Gói 5 Nhật Tân – Nội Bài; Quốc Lộ 1A Hà Tĩnh
18	Máy ủi KOMATSU D65P-12E	01	Nhật Bản	Kích thước lưỡi ủi cao x rộng = 1100x3970	1.285.714	Cầu Nhật Tân
19	Máy rải Asphalt VOGELE SUPER 1600-2	01	CHLB Đức	Công suất rải 600T/h	5.663.183	Cầu Nhật Tân
20	Máy rải Asphalt DEMAG DF135C	01	CHLB Đức	700T/h	2.957.911	Quốc lộ 1A Hà Tĩnh
21	Máy xúc đào bánh lốp HITACHI EX160WD		Nhật Bản	Dung tích gầu 0,6m3	2.014.682	Đường sắt Lim-Nam Sơn
22	Máy xúc đào bánh lốp LIEBHERR A316		CHLB Đức	Dung tích gầu 0,65m3	1.472.424	Quốc lộ 1A Hà Tĩnh
23	Máy xúc đào bánh lốp DooSan DX140 W		Hàn Quốc	Có dung tích gầu 0.6m3	2.019.818	Quốc lộ 3 Thái Nguyên
24	Máy xúc đào bánh xích KOBELCO SK250-8	02	Nhật Bản	Dung tích gầu 1m3	4.135.846	Quốc lộ 27 Ninh Thuận; Tỉnh lộ 127 Lai Châu

25	Máy xúc đào bánh xích SUMITOMO SH220	02	Nhật Bản	Dung tích gầu 1 m3	2.514.718	Quốc lộ 27 Ninh Thuận; Quốc lộ 1A Vinh - Hà Tĩnh
26	Máy xúc đào bánh xích CAT 320B	01	Nhật Bản	Dung tích gầu 0,9 m3	1.082.014	Quốc lộ 3B Bắc Kạn
27	Máy xúc đào bánh xích KATO HD820II	01	Nhật Bản	Dung tích gầu 1 m3	1.167.748	Xưởng sửa chữa 471
28	Máy xúc đào bánh xích SUMITOMO SH240-5	01	Nhật Bản	Dung tích gầu 1,1m3	1.760.000	Quốc lộ 3 Thái Nguyên
29	Máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC300-7	01	Nhật Bản	Dung tích gầu 1,4 m3	3.019.047	Tỉnh lộ 127 Lai Châu
30	Máy xúc đào bánh xích KOBELCO SK330-6E	01	Nhật Bản	Dung tích gầu 1,4 m3	2.052.783	Quốc lộ 3B Bắc Kạn
31	Máy xúc đào bánh xích SUMITOMO SH240-5	01	Nhật Bản	Dung tích gầu 1,3 m3	1.765.060	Quốc lộ 27 Ninh Thuận
32	Máy xúc đào bánh xích KOMATSU PC200-8	01	Thái Lan	Dung tích gầu 1m3	2.502.570	Quốc lộ 1A Hà Tĩnh

(Nguồn: Công ty Cổ phần 471)

7.5. Hoạt động Marketing

Công ty luôn chú trọng đến hoạt động tiếp thị với các kế hoạch quảng cáo dài hạn và ngắn hạn qua báo chí, website để phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững lâu dài: Công ty đã đầu tư xây dựng Website với nhiều tính năng để quảng bá thương hiệu, luôn cập nhật tin tức thường xuyên và thể hiện được đầy đủ thông tin sản xuất kinh doanh của Công ty tại các địa chỉ: www.congty471.com.vn; www.cienco4.com.vn;

Thông qua các hoạt động xã hội như: định kỳ tổ chức tham gia các hoạt động phong trào thanh niên, giao lưu văn hóa – văn nghệ, tham gia các hoạt động thể dục thể thao với các cơ quan ban ngành trong tỉnh, tài trợ các chương trình từ thiện,.... Những hoạt động này làm tên tuổi của Công ty được biết đến nhiều hơn trong hệ thống cơ quan ban ngành, doanh nghiệp cũng như người dân, đặc biệt là khách hàng, những người đang quan tâm đến sản phẩm dịch vụ của Công ty.

Không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, chính sách chất lượng dịch vụ nhằm thu hút và giữ chân khách hàng.

Thực hiện tốt chính sách hậu mãi, chăm sóc khách hàng, thu thập thông tin và lắng nghe ý kiến đóng góp của khách hàng, nhằm củng cố, duy trì mối quan hệ với những khách hàng lâu năm, truyền thống của Công ty.

7.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công trình xây dựng là một loại sản phẩm hàng hoá đặc biệt, nó không có trước, mà được hình thành trong quá trình xây dựng do Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn và Nhà thầu thi công xây dựng cùng tham gia. Hiện nay các công trình xây dựng việc giao, nhận công trình được thực hiện theo phương thức đấu thầu, Nhà thầu chỉ được nhận những công việc phù hợp với điều kiện năng lực của nhà thầu. Nhà thầu phải có kế hoạch chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng, cam kết bảo đảm bảo chất lượng theo hồ sơ dự thầu cũng như trong hợp đồng xây dựng với chủ đầu tư.

Việc kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm ngoài tổ chức Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư, Nhà thầu phải có hệ thống kiểm tra, giám sát riêng, nhiệm vụ này do Phòng kỹ thuật chịu trách nhiệm chủ yếu.

Công việc kiểm tra chất lượng sản phẩm công trình xây dựng bắt đầu từ khâu kiểm soát chất lượng vật liệu đầu vào, kiểm soát chất lượng trong quá trình thi công, trong giai đoạn bảo hành sản phẩm .

Trên cơ sở hồ sơ thiết kế, yêu cầu vật liệu với từng công trình và các quy trình quy phạm hiện hành Phòng kỹ thuật kết hợp với Phòng vật tư, Đội thi công tìm kiếm nguồn vật liệu đầu vào. Nguồn vật liệu đầu vào phải được thí nghiệm kiểm tra bởi một phòng thí nghiệm độc lập có đủ năng lực và tư cách pháp nhân theo quy định và được Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư chấp thuận

trước khi đưa vào sử dụng.

Các loại vật tư vật liệu phục vụ thi công khi đưa đến công trình phải được kiểm soát, bảo quản theo đúng quy định với từng loại vật tư, vật liệu và phải được thí nghiệm kiểm tra theo tần xuất trong suốt quá trình thi công.

Trong quá trình thi công Phòng kỹ thuật và Chủ nhiệm công trình phải kiểm tra, giám sát, hướng dẫn Đội thi công thi công theo đúng quy trình công nghệ, đúng yêu cầu kỹ thuật đối với từng hạng mục công trình, theo chức năng nhiệm vụ được giao có quyền đình chỉ công trình khi Đội thi công thi công sai quy trình làm ảnh hưởng đến chất lượng, thẩm mỹ của công trình.

Đội thi công phải nắm bắt, hiểu rõ các quy trình công nghệ thi công từng hạng mục và tổ chức thi công theo đúng công nghệ, phát hiện kịp thời các sai sót, báo cáo và đề suất các phương án sửa chữa các sai sót.

Tất cả các hạng mục thi công phải được kiểm tra, chấp thuận của Tư vấn giám sát và phải được lập thành biên bản theo mẫu thống nhất giữa Nhà thầu, Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư, Đội thi công phải lưu trữ các biên bản này để lập hồ sơ hoàn công công trình.

7.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Biểu tượng Logo của Công ty:

Nhãn hiệu được khái quát trên nền màu vàng bởi hình dáng con đường và cây cầu theo hình ngọn đuốc với dáng nét chính là con đường màu đỏ tươi chạy vươn từ dưới lên về phía bên phải, phía dưới là nhịp cầu màu xanh dương nằm trên hình trụ cầu cũng màu xanh dương. Dưới chân đế là 2 dòng chữ màu đỏ tươi: CIENCO 4 (là chữ viết tắt của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4) và “JCO 471” (là chữ viết tắt của Công ty Cổ phần 471).

7.8. Các hợp đồng lớn đã thực hiện hoặc đã được ký kết

Một số dự án lớn mà Công ty Cổ phần 471 đã và đang thi công, cụ thể như sau:

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị HĐ (tr đồng)
1	Bến số 2 – Cảng Vũng Áng (GĐ 2)	Ban Quản lý dự án 85	03/2008	2008-2009	25.400

2	Công trình Đoạn nối đường Trần Phú với Quốc Lộ 1A – Nha Trang – Khánh Hòa (Km0+00 – Km9+160)	Ban Quản lý dự án các công trình trọng điểm tỉnh Khánh Hòa	27/12/2002	2003-2009	173.443
3	Gói thầu số 1: Km69+300 – Km77+000 (bao gồm công việc thiết kế BVTC) Dự án cải tạo, nâng cấp QL 2	Ban Quản lý dự án 6	26/02/2007	2007-2009	86.281
4	Gói thầu số 8: Km60+00 – Km68+00 (bao gồm cả thiết kế BVTC) thuộc dự án cải tạo nâng cấp QL279, đoạn Tuần Giáo – Điện Biên – Tây Trang	Ban Quản lý dự án 6	27/06/2006	2006-2009	103.170
5	Gói thầu số 4: Km78+800 – Km81+800; Dự án đầu tư xây dựng QL12 đoạn Km66 – Km120 (bao gồm cầu Hang Tôm) thuộc đoạn tránh ngập lụt khi có thủy điện Sơn La (Tiểu dự án 1)/Số 1811/HĐ - XD	Ban Quản lý dự án 1	20/08/2008	2008-2010	62.542
6	Gói thầu TNA3: đoạn Km12+00 – Km14+00 (bao gồm cả TKBVTC) Dự án đầu tư xây dựng tuyến phía tây Nghệ An	Sở Giao thông vận tải Nghệ An – Ban QLDA CTGT	10/2008	2008-2010	21.825
7	Gói thầu TNA10: Dự án đầu tư xây dựng tuyến phía tây Nghệ An	Sở Giao thông vận tải Nghệ An – Ban QLDA CTGT	06/2007	2007-2010	53.300
8	Thi công xây dựng gói thầu số 3.1B (Cầu tỉnh lộ 9710). Dự án xây dựng đường Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (giai đoạn 1)	Công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)	11/2009	2009-2010	30.790
9	Gói thầu số 1: Đoạn nối QL1A – Mỏ sắt Thạch Khê – Hà Tĩnh	Ban QLDA Hà Tĩnh	11/2007	2007-2011	21.000
10	Gói thầu số 31: Xây dựng phần đường dẫn phía Bắc cầu Bến Thuỷ 2, cầu trạm bơm và thiết kế bản vẽ thi công	Ban Quản lý dự án 85	11/2009	2009-2012	77.500
11	Gói thầu số 1: Đoạn Mai Dịch – Trung Hòa (Km19+620 – Km23+195) thuộc Dự án đường vành đai 3 – Hà Nội	Cienco 4	09/04/2011	2011-2012	91.536
12	Gói thầu số 1 đoạn Km0-:-Km10.	Ban Quản lý dự án 6	08/08/2012	2012-2013	114.741

	Dự án đầu tư xây dựng tuyến thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế - Phần: Tiếp tục đầu tư một số hạng mục xử lý và tăng cường nền, mặt đường				
13	Gói thầu số 3: Đường ven biển Xuân Hội – Thạch Khê – Vũng Áng	Ban QLDA Hà Tĩnh	07/2008	2008-2013	35.000
14	Gói số 1: Nền đường sắt đoạn Lim - Nam Sơn thuộc tiểu dự án Lim - Phả Lại, dự án: Tuyến đường sắt Yên Viên - Phả lại - Hạ Long - Cái Lân	Cienco4	10/2007	2007-2014	164.276
15	Dự án Cầu Nhật Tân với TCT	Cienco4	11/08/2009	2009-2013	133.223
16	Gói 1 Nhật tân - Nội Bài	Cienco4	16/08/2011	2011-2014	100.311
17	Gói 5 Nhật Tân -Nội Bài	Cienco4	23/11/2012	2012-2015	75.345
18	QL1A đoạn Nam cầu Bến Thủy-TP Hà Tĩnh	Cienco4	01/2013	2013-2014	125.662
19	Gói 15 QL1A đoạn Diễn Châu	Cienco4	27/05/2013	2013-2015	70.000
20	Gói 10 QL1A đoạn Cẩm Xuyên - Hà Tĩnh	Cienco4	30/09/2013	2013-2015	46.000
21	Tuyến Tránh Vinh (Mới)	Cienco4	30/09/2013	2013-2014	100.000
22	QL 1A - Đoạn Nghi Sơn - Cầu Giát	Cienco4	09/05/2013	2013-2014	23.500
23	Gói 8 - Quốc lộ 3 - Thái Nguyên	Ban ATGT	12/04/2013	2013-2014	82.274
24	Gói 3 - QL37 - Thái Nguyên	Ban QLDA các CTGT Thái Nguyên	19/09/2013	2013-2014	56.916
25	Gói thầu số 4: Quốc Lộ 27 - Ninh Thuận	Ban QLDA 2	28/10/2009	2009-2013	69.291
26	Gói thầu số 3: Quốc Lộ 27 - Ninh Thuận	Ban QLDA 2	17/11/2009	2009-2014	38.282
27	Dự án xây dựng Nhà máy thuỷ điện Nậm Cắn 2	Công ty CP thuỷ điện Sông Nậm Cắn	14/11/2013	2013-2014	192.461

Nguồn: Công ty Cổ phần 471

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SX KD của công ty năm 2011-2013

Bảng 7 – Một số chỉ tiêu kinh doanh của Công ty Cổ phần 471 năm 2011-2013

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm	30/09/2013
Tổng giá trị tài sản	253.129.870.951	243.009.567.230	(4,00)%	281.470.454.868
Doanh thu thuần	207.324.514.281	339.239.035.556	63,63%	299.850.961.927
Lợi nhuận từ HĐKD	6.517.387.860	7.968.444.028	22,26%	1.814.687.664
Lợi nhuận khác	(612.667.070)	(888.430.752)	(45,01)%	187.899.191
Lợi nhuận trước thuế	5.904.720.790	7.080.013.276	19,90%	2.002.586.855
Lợi nhuận sau thuế	4.840.445.523	5.774.222.401	19,29%	1.501.940.141
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	86,76%	77,93%	(10,18%)	-
Tỷ lệ cổ tức	14%	15%	7,14%	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC 9 tháng 2013 của Công ty Cổ phần 471)

- Một số chênh lệch giữa số liệu đầu kỳ trên BCTC kiểm toán năm 2012 và số liệu cuối kỳ trên BCTC kiểm toán năm 2011:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ theo BCTC kiểm toán năm 2011	Số đầu kỳ theo BCTC kiểm toán năm 2012	Chênh lệch
	(1)	(2)	(3) = (2) – (1)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	1.520.393.239	1.064.275.267	(456.117.972)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.384.327.551	4.840.445.523	456.117.972
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.972.241.375	5.428.359.347	456.117.972
Vốn chủ sở hữu	36.450.003.032	36.906.121.004	456.117.972
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	3.463.793.916	3.007.675.944	(456.117.972)
Nợ ngắn hạn	201.128.025.919	200.671.907.947	(456.117.972)
Nợ phải trả	216.679.867.919	216.223.749.947	(456.117.972)

- Theo Thông tư 140/2012/TT – BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài chính, năm 2011 Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp (tương đương với 456.117.972 đồng), nên chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm 2011 đã được Công ty cùng Công ty kiểm toán thực hiện điều chỉnh giảm trên Báo cáo tài chính năm 2012.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

8.2.1. Thuận lợi

- Những thách thức của nền kinh tế thị trường trong giai đoạn mới là động lực thúc đẩy sự đổi mới, sáng tạo trong cách nghĩ cách làm, đó là:
  - Sự hội nhập, tham gia WTO của Việt Nam... đòi hỏi sự năng động, sáng tạo và đổi mới của các doanh nghiệp trong tư duy kinh tế, sáng tạo trong kinh doanh, mạnh dạn trong đầu tư đổi mới công nghệ...
  - Sự cạnh tranh quyết liệt trong nền kinh tế thị trường. Sự đòi hỏi khách quan, tất yếu của nền kinh tế thị trường.
  - Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và sự ứng dụng của công nghệ vào nền kinh tế quốc dân.
- Sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo Tổng Công ty XDCTGT 4 trong việc hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết các vướng mắc khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh là nhân tố lớn giúp cho Công ty thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh doanh.
- Tập thể lãnh đạo Công ty luôn là một tổ chức đoàn kết, thống nhất, quan tâm đến lợi ích doanh nghiệp và người lao động. Ban lãnh đạo Công ty năng động, luôn tìm tòi, đổi mới hoạt động sản xuất kinh doanh trong cơ chế cạnh tranh hiện nay, đảm bảo Công ty luôn là một trong những Công ty mạnh nhất của Tổng công ty XDCT Giao thông 4.
- Công ty có đầy đủ các điều kiện về nhân lực, máy móc, tài chính để thi công những công trình lớn đảm bảo chất lượng và tiến độ.
- Tình hình tài chính ổn định, lành mạnh, dây chuyền công nghệ hiện đại và đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân thợ bậc cao.
- Công ty đã làm tốt công tác củng cố mối quan hệ với các chủ dự án và khẳng định được chất lượng sản phẩm của chính mình nên đã trúng thầu và kiếm thêm nhiều hợp đồng cho công ty.

8.2.2. Khó khăn

- Do nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng của đất nước, những khó khăn trước mắt của ngành xây dựng cơ bản và sự cạnh tranh khốc liệt trong tìm kiếm việc làm trong ngành giao thông vận tải đã tạo không ít khó khăn cho doanh nghiệp.
- Cùng một lúc phải triển khai nhiều công trình trọng điểm với giá trị, khối lượng công việc lớn, tiến độ và cường độ rất căng thẳng. Các công trình nằm phân tán, không tập trung. Do vậy lực lượng cán bộ kỹ thuật dàn mỏng, công tác điều hành, chỉ đạo gặp khó khăn hơn.
- Một số công trình chưa có nguồn vốn hoặc vốn chậm nên công trình phải giãn tiến độ nhằm bảo toàn vốn.

❖ Trong những năm qua, giá cả vật tư, nhiên liệu của thị trường biến động liên tục trong khi các chủ đầu tư chưa có cơ chế thanh toán cho các đơn vị thi công làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty trong năm.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của công ty trong ngành

Đến năm 2013, Công ty đã có hơn 40 năm kinh nghiệm trong ngành xây dựng cơ bản với các mảng chính là xây dựng cầu đường bộ và cầu đường sắt, bến cảng và bến cập tàu, đường và nền móng công trình. Là một trong những công ty thành viên có thành tích nổi bật trong Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 và có uy tín trên thị trường, Công ty Cổ phần 471 đã tiến hành thi công nhiều công trình đảm bảo tiến độ thi công và chất lượng công trình tốt, mẫu mã đẹp, được chủ đầu tư đánh giá cao như công trình: Quốc lộ 279 đoạn nối Quốc lộ 3 với Quốc lộ 2 (Bắc Cạn); Nền đường sắt Yên Viên – Phả Lại – Hạ Long – Cái Lân; cầu Nhật Tân; cầu Bến Thủy II; Đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng; Đường cao tốc Cầu Dẽ - Ninh Bình; đường Hồ Chí Minh; cầu Lăng Cô; Sư Lỗ (Tam Kỳ); Đường, bãi, cảng Dung Quất; đường sắt vào Nhà máy Bỉm Sơn Thanh Hóa; Cảng Cửa Lò; Cảng Nhật Lệ; Bến phà Gianh, đường đầu cầu Quán Hàu (Quảng Bình); Quốc Lộ 51 (Bà Rịa – Vũng Tàu); Quốc lộ 24 (Kon Tum);....

Với truyền thống lâu năm trong ngành, được sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của các bộ, ngành trung ương, của lãnh đạo tỉnh, đặc biệt là đơn vị quản lý trực tiếp – Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4, với một lực lượng cán bộ, kỹ sư có năng lực, trình độ, tâm huyết, tận tụy, đội ngũ công nhân lành nghề, Công ty Cổ phần 471 đã đảm đương thi công những công trình giao thông hiện đại, có tầm cỡ quốc gia, quốc tế, ngày càng khẳng định thương hiệu mạnh trong lĩnh vực xây dựng các công trình giao thông của cả nước.

Một số thành tích đã đạt được của Công ty:

- Cờ "Đơn vị thi đua xuất sắc" Bộ GTVT (1993 – 2001);
- Cờ Đơn vị thi đua xuất sắc của Bộ trưởng GTVT tặng tập thể CBCNV Công ty (2004 – 2005 – 2006 – 2008 - 2010)
- Bằng khen của Bộ trưởng GTVT tặng tập thể CBCNV Công ty (2007, 2009).
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GTVT tặng tập thể CBCNV Công ty vì có nhiều thành tích trong phong trào thi đua giai đoạn 2005-2009, 2010.
- Huân chương Độc lập hạng Ba của Chủ tịch nước (2010)
- Cờ Thi đua của Tỉnh uỷ tặng TCCS Đảng đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh tiêu biểu 5 năm liền (2006-2010).

- Công đoàn Công ty từ 2001 đến nay liên tục đạt danh hiệu Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc của Công đoàn Tổng Công ty. Năm 2009 được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng bằng khen.

Chỉ tiêu tài chính năm 2012 của một số Công ty trong ngành:

Đơn vị: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Vốn Chủ sở hữu	Tổng tài sản	Tổng doanh thu	Lợi nhuận ròng	ROA	ROE
B82	45.282.207	331.288.180	349.291.319	5.004.332	1,60%	11,10%
C92	33.741.526	215.599.853	305.884.574	4.760.236	2,23%	14,30%
MCO	51.304.034	279.823.866	103.772.036	814.147	0,27%	1,60%
CIC	58.144.631	331.125.824	78.895.941	-8.384.711	-2,81%	-13,45%
NSN	21.124.007	309.669.647	244.023.568	-9.965.724	-3,36%	-38,17%
S64	50.981.432	181.409.902	122.806.370	4.044.974	2,63%	8,10%
S12	65.633.555	381.654.685	124.449.731	1.012.467	0,25%	1,53%
S99	137.231.070	212.555.697	124.733.320	2.146.074	0,98%	2,61%
V12	90.493.560	535.155.980	526.387.716	11.578.677	1,83%	13,00%
VC5	95.634.070	692.054.834	630.032.837	7.463.744	1,05%	7,71%
CTY CP 471	38.609.854	243.009.567	340.717.929	5.774.222	2,33%	15,29%

(Nguồn: www.cafef.vn và BCTC kiểm toán năm 2012 của Công ty Cổ phần 471)

Ghi chú:

B82: Công ty cổ phần 482

C92: Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492.

MCO: Công ty cổ phần MCO Việt Nam

CIC: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng COTEC

NSN: Công ty Cổ phần Xây dựng 565

S64: Công ty cổ phần Sông Đà 6.04

S12: Công ty Cổ phần Sông Đà 12

S99: Công ty Cổ phần Sông Đà 9.09

V12: Công ty Cổ phần Xây Dựng số 12
VC5: Công ty Cổ phần Xây Dựng số 5

Dựa vào bảng số liệu trên có thể thấy rằng các chỉ số tài chính của Công ty Cổ phần 471 đạt mức khá so với các doanh nghiệp cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Đánh giá ngành xây dựng năm 2012; năm 2013

Năm 2012 ngành xây dựng tăng trưởng rất thấp. Giá trị sản xuất xây dựng năm 2012 ước tính đạt 720,2 nghìn tỷ đồng, tăng 2,1% so với năm 2011. Trong đó, khu vực Nhà nước đạt 113 nghìn tỷ đồng, giảm 3,9%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 583 nghìn tỷ đồng, tăng 3,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 24,1 nghìn tỷ đồng, giảm 0,3%. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến giá trị sản xuất xây dựng năm 2012 tăng thấp là do thị trường bất động sản khá trầm lắng, nhiều dự án phải dừng thi công hoặc giãn tiến độ, chính sách thắt chặt đầu tư công của Chính phủ tiếp tục được thực hiện, và doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn trong tiếp cận vốn vay để thi công các công trình.

Hoạt động xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp đều giảm trong năm 2012 do nền kinh tế vẫn gặp nhiều khó khăn, thị trường bất động sản đóng băng. Nhiều công trình giao thông phải dừng hoặc giãn tiến độ do cắt giảm ngân sách cũng như việc giải ngân vốn chậm. Chỉ có một số dự án thuộc lĩnh vực cơ sở hạ tầng thiết yếu như trường học, bệnh viện, cấp thoát nước, thủy điện,....còn được ưu tiên về vốn đầu tư.

Nhiều Công ty xây dựng đã phải dừng thi công, cắt giảm nhân sự, nợ lương công nhân, thậm chí phá sản. Đến giữa năm 2012 cả nước có khoảng 40.000 doanh nghiệp thuộc ngành xây dựng, trong đó có các doanh nghiệp xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp chiếm 83%, còn lại 17% là các doanh nghiệp xây dựng các công trình chuyên dụng. Đến hết tháng 6 năm 2012, đã có 3.200 doanh nghiệp dừng hoạt động hoặc giải thể, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2011, và chiếm khoảng 7% trên tổng số doanh nghiệp xây dựng. Tổng số doanh nghiệp xây dựng đăng ký thành lập mới trong 6 tháng 2012 đã giảm 23,9% so với cùng kỳ năm trước.

Rủi ro từ những khoản nợ xấu do các chủ đầu tư chậm hoặc mất khả năng thanh toán là sự quan ngại lớn nhất đối với các công ty xây dựng hiện nay. Tỷ lệ đòn bẩy của các doanh nghiệp ngành xây dựng vẫn còn cao (khoảng 4,5), mặc dù đã giảm so với năm 2011. Sự phụ thuộc vào các khoản đi vay đã ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng phát triển bền vững của các doanh nghiệp trên thị trường. Ngoài ra doanh nghiệp xây dựng còn gặp nhiều khó khăn về vốn do bị chủ đầu tư chiếm dụng vốn, đầu tư công bị thắt chặ, cùng với việc hạn chế cho vay của các ngân hàng. Nhiều

công trình đã bàn giao nhưng do chủ đầu tư chậm thanh quyết toán đã đẩy nhiều doanh nghiệp vào thế thua lỗ, mất vốn.

Tỷ lệ doanh nghiệp ngành xây dựng thua lỗ tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2011, nhất là các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI. Biên lợi nhuận của ngành xây dựng đã không cao trong khi chi phí lãi vay và các khoản phải thu khó đòi tăng mạnh từ năm 2011 đến nay khiến nhiều doanh nghiệp lỗ nặng. ROE của các doanh nghiệp xây dựng đều đạt thấp, đa số đều dưới 10%, thấp hơn cả chi phí vay vốn trung bình trên thị trường.

Năm 2013, mặt bằng lãi suất cho vay giảm so với năm 2012 đã giúp cho các công ty xây dựng giảm được chi phí lãi vay. Tuy nhiên, với tỷ lệ đòn bẩy cao cùng với nhiều khoản phải thu khó đòi trong khi không có công trình thi công làm nhiều công ty xây dựng không thể trả nổi khoản nợ với ngân hàng và năm 2013 vẫn tiếp tục là một năm vô cùng khó khăn đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng.

Triển vọng ngành xây dựng

Với những dự báo thấp về tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam cũng như sự ảm đạm của thị trường bất động sản sẽ làm ngành xây dựng tiếp tục khó khăn trong một vài năm tới. Đặc biệt sẽ có nhiều Công ty xây dựng dân dụng cũng như xây dựng công nghiệp sẽ phải đóng cửa do khó có thể tìm thêm được hợp đồng thi công. Các công ty xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu như thủy điện, thủy lợi,....mặc dù sẽ đỡ khó khăn hơn cũng sẽ bị ảnh hưởng do việc cắt giảm chi tiêu công trong năm tới.

Tuy nhiên, xét về dài hạn thì ngành xây dựng, đặc biệt là ngành xây dựng các công trình giao thông cầu đường, cầu cảng sẽ có tiềm năng phát triển mạnh. Vì Việt Nam là một quốc gia đang phát triển, hệ thống cầu đường, cầu cảng hiện nay còn yếu và thiếu nhiều, chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội cũng như tiềm năng phát triển của đất nước. Hơn nữa để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tạo tiền đề cho nền kinh tế phát triển, Nhà nước cần có các chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho các dự án công trình giao thông.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Trong những năm vừa qua, với sự hỗ trợ của Bộ ngành Giao thông, đặc biệt là của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khá thuận lợi và phù hợp với sự phát triển của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 nói riêng và sự phát triển ngành xây dựng công trình giao thông nói chung.

Trong những năm tiếp theo, để đẩy mạnh hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tạo được sự phát triển phù hợp với ngành nghề của Công ty, Công ty Cổ phần 471 đã đề ra phương hướng cho sản xuất kinh doanh như sau:

- Tiếp tục củng cố xây dựng bộ máy của công ty, hoàn thiện mô hình cấp đội đủ mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng ban tham mưu, thông qua việc hoàn thiện, Ban hành và áp dụng các quy chế quản lý nội bộ để từng bước nâng cao năng lực quản lý, cũng như điều hành sản xuất của công ty.
- Giữ mối quan hệ với các chủ đầu tư mở rộng thị trường tìm kiếm việc làm cho các năm tiếp theo nâng cao đời sống người lao động.
- Tăng cường công tác chỉ đạo để thi công hoàn thành vượt mức kế hoạch các công trình trọng điểm.
- Tăng cường công tác khoa học kỹ thuật, quản lý chất lượng, đúc rút hoàn thiện các công nghệ cao.
- Hoàn thiện quy chế quản lý thiết bị, có chế độ cho người điều hành thiết bị nhằm khai thác hiệu quả thiết bị hiện có.
- Coi trọng công tác nghiệm thu thanh toán, quyết toán với chủ đầu tư, để thu hồi nợ tồn đọng.
- Chăm lo đời sống cho người lao động về cả vật chất và tinh thần, đảm bảo chính sách chế độ về tiền lương cũng như mọi chế độ khác cho người lao động.

Từ những phân tích triển vọng phát triển của ngành xây lắp công trình và tầm quan trọng của nó đối với sự phát triển của đất nước và các ngành công nghiệp khác, có thể thấy định hướng và hoạt động của Công ty là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành, cũng như chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Chính phủ Việt Nam.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng người lao động trong công ty

Tại thời điểm 24/11/2013, tổng số lao động trong Công ty là 420 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Loại lao động	Số lượng *(Người)*	Tỷ lệ *(%)*

Phân loại theo trình độ		
▪ Đại học và cao đẳng	125	29,76
▪ Trung cấp	49	11,67
▪ Công nhân kỹ thuật	246	58,57
Phân loại theo giới tính		
▪ Nam	383	91,19
▪ Nữ	37	8,81
Tổng cộng	**420**	**100**

(Nguồn: Công ty Cổ phần 471)

10.2. Chính sách lương thưởng, trợ cấp, đào tạo

- Chính sách lương, thưởng và các chế độ khác đối với người lao động

Nhằm tạo điều kiện giúp cho cán bộ công nhân viên tư tưởng thoải mái đối với nhiệm vụ được phân công và kết quả mà họ có được như: tiền lương, tiền thưởng, các khoản phúc lợi, cơ hội thăng tiến, quan hệ nghề nghiệp… Công ty đã tiến hành nhiều chương trình bao gồm: tạo môi trường làm việc chất lượng cao, phân phối tiền lương, tiền thưởng hợp lý, công bằng, chính xác.

Hàng năm, Công ty đã tiến hành các chương trình tham quan nghỉ mát, điều dưỡng, khám sức khỏe định kỳ, trợ cấp những trường hợp khó khăn, thăm hỏi các trường hợp đau yếu, thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, các chế độ khác đối với chị em phụ nữ, các chế độ phụ cấp đối với người lao động và khen thưởng đột xuất trực tiếp bằng hiện vật hoặc tiền thưởng đối với đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, khen thưởng định kỳ thông qua các cuộc họp sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua.

Phong trào văn thể được khơi dậy rộng khắp các đơn vị, phối hợp với các đoàn thể tổ chức các giải bóng đá, cầu lông, bóng chuyền vào các ngày lễ hội, tham gia hội diễn văn nghệ quần chúng. Thành lập các đội tuyên truyền phục vụ các công trình ở những nơi điều kiện khó khăn, tổ chức giao lưu kết nghĩa với các tổ chức đoàn thể địa phương sở tại nơi đơn vị thi công.

Thường xuyên thu thập thông tin tìm hiểu nhu cầu của người lao động trên từng vị trí công tác trên tinh thần hợp tác, Công ty đã tiếp nhận tất cả các ý kiến sau đó phân tích đánh giá tại các phiên họp định kỳ hoặc không định kỳ của Công ty để ra quyết định hành động kịp thời.

Lãnh đạo Công ty đã xây dựng, triển khai một môi trường làm việc mà tất cả mọi thành viên đều tham gia hoạch định và thực hiện mục tiêu. Cùng với những chính sách cụ thể, mọi thành viên

trong Công ty đều được hưởng những lợi ích do doanh nghiệp mang lại và họ được làm việc trong môi trường có cơ hội phát triển tài năng.

- Chính sách đào tạo

Công tác phát triển và quản lý nguồn nhân lực có liên quan đến sự tồn tại và phát triển của Công ty. Hàng năm, Công ty tiến hành công tác hoạch định nguồn nhân lực, xác định năng lực cần thiết của những người thực hiện công việc có ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty để tiến hành tuyển dụng, đào tạo hay thực hiện những biện pháp thích hợp để đáp ứng các nhu cầu về năng lực, đánh giá hiệu quả của công tác đào tạo, đảm bảo các cán bộ công nhân viên nhận thức được mối liên quan và tầm quan trọng các hoạt động của họ và họ đóng góp như thế nào đối với việc đạt được các mục tiêu chất lượng là việc làm thường xuyên được chú trọng. Đối với những cá nhân xuất sắc, Công ty tạo điều kiện cho đi đào tạo nâng cao trình độ và tạo cơ hội cho họ đảm nhận công việc quan trọng hơn.

11. Chính sách cổ tức

Công ty được cổ phần hóa bắt đầu từ thời điểm 01/01/2009. Kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần 471 đều có mức chi trả cổ tức tương đối cao, cụ thể như sau:

	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Từ năm 2013 (dự kiến)
Tỷ lệ cổ tức	20%	20%	14%	15%	≥ 15%

(Nguồn: Công ty Cổ phần 471)

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

12.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/09/2013
Vốn điều lệ	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Thặng dư vốn cổ	840.000.000	840.000.000	840.000.000

phần			
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	691.287.591
Quỹ dự phòng tài chính	637.761.657	856.978.035	1.202.621.830
Lợi nhuận chưa phân phối	5.428.359.347	6.912.875.905	1.840.953.275
Nợ phải trả	216.223.749.947	204.399.713.290	246.895.592.171
Tổng nguồn vốn	253.129.870.951	243.009.567.230	281.470.454.868

(Nguồn: BCTC năm 2011; năm 2012 đã kiểm toán và BCTC 9 tháng năm 2013)

Trong năm 2011, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 24.000.000.000 đồng lên 30.000.000.000 đồng, thông qua việc phát hành 600.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, người lao động và đối tác chiến lược. Trong năm 2012 và 9 tháng 2013, Công ty không thực hiện tăng vốn điều lệ. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 30.000.000.000 đồng. Tổng nguồn vốn tại thời điểm 30/09/2013 của Công ty là 281.470.454.868 đồng, toàn bộ nguồn vốn này được Công ty dùng để tài trợ cho các nhu cầu vốn lưu động và đầu tư mua sắm tài sản cố định phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

12.1.2. Khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Bảng 8 – Thời gian khấu hao của các loại tài sản

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	08 – 12 năm
Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012 của Công ty Cổ phần 471)

12.1.3. Mức lương bình quân

Bảng 9 – Mức thu nhập bình quân tại Công ty Cổ phần 471 năm 2011 –2012

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
Tổng quỹ lương *(đồng)*	24.906.750.700	25.911.870.400
Mức thu nhập cao nhất	15.995.000	22.112.900
Mức thu nhập thấp nhất	3.500.000	4.500.000
Mức thu nhập bình quân	5.267.900	6.151.900

(Nguồn: Công ty Cổ phần 471)

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tăng trưởng đều qua các năm chứng tỏ chính sách đãi ngộ đối với người lao động và hiệu quả sử dụng lao động của Công ty là rất tốt.

12.1.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2011, năm 2012, báo cáo tài chính 9 tháng năm 2013, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

12.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 10 – Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/09/2013
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	1.664.750.698	1.122.711.330	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.058.845.132	2.235.125.472	365.706.044
Thuế thu nhập cá nhân	200.347.614	246.698.676	115.580.420
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	83.732.500	-	-
Tổng cộng	**3.007.675.944**	**3.604.535.478**	**481.286.464**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC 9 tháng 2013 của Công ty Cổ phần 471)

12.1.6. Tình hình hàng tồn kho

Bảng 11 – Tình hình hàng tồn kho

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/09/2013
Nguyên liệu, vật liệu	17.172.036.355	11.106.555.229	8.506.502.997

Công cụ, dụng cụ	10.605.003	63.805.987	300.332.448
Chi phí SXKD dở dang	88.412.432.959	87.009.864.145	84.911.634.551
Tổng cộng	**105.595.074.317**	**98.180.225.361**	**93.718.469.996**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC 9 tháng 2013 của Công ty Cổ phần 471)

Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nên hàng tồn kho của công ty tập trung chính ở nguyên vật liệu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

12.1.7. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành.

Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty thực hiện trích lập các quỹ như: quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi. Cụ thể số dư trích lập các quỹ đến thời điểm 31/12/2011, 31/12/2012; 30/09/2013:

Bảng 12 – Số dư các quỹ của Công ty Cổ phần 471

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/09/2013
1. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	691.287.591
2. Quỹ dự phòng tài chính	637.761.657	856.978.035	1.202.621.830
3. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	555.993.314	446.243.314	1.391.564.699
Tổng cộng	**1.193.754.971**	**1.303.221.349**	**3.285.474.120**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012; BCTC 9 tháng 2013 của Công ty Cổ phần 471)

12.1.8. Tổng dư nợ vay

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ trong các năm qua. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn.

Bảng 13 – Tình hình dư nợ vay của Công ty Cổ phần 471

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/09/2013
1. Vay và nợ ngắn hạn	**56.590.088.950**	**54.608.469.549**	**82.111.193.083**

- Vay Ngân hàng đầu tư và phát triển – chi nhánh Vinh	16.674.341.184	12.999.501.925	20.033.327.162
- Vay Ngân hàng Ngoại thương – chi nhánh Vinh	39.915.747.766	41.249.967.624	62.077.865.921
- Vay cá nhân	-	359.000.000	-
2. Vay và nợ dài hạn	**9.201.842.000**	**6.969.210.000**	**15.990.431.721**
Vay Ngân hàng Ngoại thương – chi nhánh Vinh	9.201.842.000	6.969.210.000	15.445.078.850
Vay Ngân hàng BIDV	-	-	545.352.871
Tổng cộng	**65.791.930.950**	**61.577.679.549**	**98.101.624.804**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC 9 tháng 2013 của Công ty Cổ phần 471)

Dư nợ vay của Công ty Cổ phần 471 ở mức cao, chủ yếu là vay ngắn hạn. Các khoản vay ngắn hạn chủ yếu là khoản vay Ngân hàng Ngoại thương – Chi nhánh Vinh và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – chi nhánh Vinh theo các hợp đồng tín dụng ngắn hạn, thời hạn vay từ 6 - 9 tháng, lãi suất vay cao nhất hiện nay là 12% và thấp nhất là 5% và đều được đảm bảo bằng thế chấp. Công ty vay dài hạn chủ yếu là khoản vay Ngân hàng Ngoại thương – chi nhánh Vinh theo các hợp đồng tín dụng trung hạn để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ thi công, thời gian vay 5 năm, lãi suất cao nhất là 17%/năm và thấp nhất là 12%/năm, các khoản vay đều được bảo đảm bằng thế chấp.

12.1.9. Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu

Bảng 14 – Tình hình các khoản phải thu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/09/2013
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	**97.590.053.741**	**82.019.863.824**	**98.494.642.683**
1. Phải thu của khách hàng	76.479.142.710	65.782.476.934	81.975.431.439
2. Trả trước cho người bán	21.621.837.275	18.363.746.661	17.920.463.018
3. Phải thu khác	1.991.796.288	1.465.591.899	2.190.699.896
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(2.502.722.532)	(3.591.951.670)	(3.591.951.670)

II. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	**97.590.053.741**	**82.019.863.824**	**98.494.642.683**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC 9 tháng 2013 của Công ty Cổ phần 471)

- Các khoản phải trả:

Bảng 15 – Tình hình các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	30/09/2013
I. Nợ ngắn hạn	**200.671.907.947**	**197.430.503.290**	**230.880.867.522**
1. Vay và nợ ngắn hạn	56.590.088.950	54.608.469.549	82.111.193.083
2. Phải trả người bán	54.232.703.025	58.645.077.544	55.698.598.247
3. Người mua trả tiền trước	67.829.169.561	59.936.783.302	68.119.352.327
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.007.675.944	3.604.535.478	481.286.464
5. Phải trả người lao động	5.615.663.000	10.784.010.401	3.012.621.499
6. Chi phí phải trả	335.054.002	378.736.498	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12.505.560.151	9.026.647.204	20.066.251.203
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
9. Qũy khen thưởng phúc lợi	555.993.314	446.243.314	1.391.564.699
II. Nợ dài hạn	**15.551.842.000**	**6.969.210.000**	**16.014.724.650**
1. Phải trả dài hạn khác	6.350.000.000	-	-
2. Vay và nợ dài hạn	9.201.842.000	6.969.210.000	15.990.431.721
3. Doanh thu chưa thực hiện	-	-	24.292.929
Tổng cộng	**216.223.749.947**	**204.399.713.290**	**246.895.592.171**

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012 và BCTC 9 tháng 2013 của Công ty Cổ phần 471)

Phải trả người bán bao gồm phải trả tiền mua vật tư, nguyên vật liệu với nhà cung cấp và trả cho nhà thầu phụ. Trong đó, chiếm phần lớn là phải trả tiền mua nguyên vật liệu với nhà cung cấp.

Các khoản người mua trả tiền trước của Công ty là các khoản tạm ứng thi công từ các công trình.

Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác bao gồm các khoản như: chi phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội,

bảo hiểm y tế, và các khoản trích để trả cổ tức, trả các đơn vị nội bộ

Phải trả dài hạn khác

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 16 – Các chỉ tiêu tài chính năm 2011-2012

Các chỉ tiêu	Đvt	Năm 2011	Năm 2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,03	1,01
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,50	0,51
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	85,42	84,11
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	585,88	529,40
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,30	2,93
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	81,90	139,60
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,33	1,70
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13,12	14,96
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,91	2,38
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,14	2,35
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/cổ phần	1.698	1.925

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012 của Công ty Cổ phần 471)

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty Cổ phần 471 so với mức trung bình ngành xây dựng thấp hơn (theo thống kê của cophieu68.com, hệ số thanh toán ngắn hạn của ngành là 1,15 và hệ só thanh toán nhanh là 0,67). Tuy nhiên, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty vẫn duy trì ở mức lớn hơn 1 nên vẫn ở mức an toàn.

Hệ số nợ của Công ty chiếm tỷ trọng khá cao trong cơ cấu vốn (theo thống kê của cophieu68.com,

hệ số nợ/tổng tài sản ngành xây dựng là 74% và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu là 353%). Tuy nhiên hệ số nợ của Công ty năm 2012 đã có xu hướng giảm so với năm 2011.

Vòng quay hàng tồn kho nhanh và các chỉ tiêu sinh lời ở mức khá. Hầu hết các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2012 đều tăng so với năm 2011. Tóm lại tình hình tài chính của Công ty được đánh giá là lành mạnh, an toàn và hiệu quả kinh doanh ổn định qua các năm.

13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh
Ông Vương Đình Ngũ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Mai Anh Đồng	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Toàn	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Hồ Tuấn Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị

13.1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Vương Đình Ngũ			
Giới tính	Nam	Quê quán	Trung Sơn - Đô Lương - Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	28/06/1960	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Phường Quán Bàu – TP. Vinh – Tỉnh Nghệ An		
Nơi sinh	Trung Sơn – Đô Lương – Nghệ An		
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 181056990 cấp ngày 19/05/2008 tại CA Nghệ An	
Trình độ văn hóa	10/10		
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư đường bộ		
Quá trình công tác:			
3/1985 - 4/1992	Kỹ thuật viên Công ty Đường Bộ 471		
5/1992 - 9/1996	Đội phó thi công Đội 1 - Công ty Đường Bộ 471		

10/1996 - 11/1999	Đội trưởng thi công Đội 10 - Công ty Đường Bộ 471
12/1999 - 10/2001	Đội trưởng thi công Đội 3 - Công ty Đường Bộ 471
11/2001 - 12/2001	Trợ lý Giám đốc - Công ty Đường Bộ 471
01/2002 - 8/2008	Phó giám đốc Công ty Đường bộ 471
08/2008 - 12/2008	Phó Bí thư Đ/uỷ - Phó giám đốc Công ty CP 471
01/2009 - 08/04/2012	Phó bí thư Đ/uỷ - Phó Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Cty Cổ phần 471
09/4/2012 - 05/2013	Phó bí thư Đ/uỷ - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần 471
05/2013 - nay	Bí thư Đ/uỷ - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần 471
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần 471
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan với Công ty	Không
Số cổ phần nắm giữ:	944.952 cổ phần (tỷ lệ 31,50%)
Trong đó: - Sở hữu cá nhân - Đại diện phần vốn Nhà nước	 52.800 cổ phần (1,76%) 892.152 cổ phần (29,74%)
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	- Vợ: Nguyễn Thị Luyến nắm giữ 38.603 cổ phần (chiếm 1,29%). - Con: Vương Đình Thông nắm giữ 6.000 cổ phần (chiếm 0,2%)

13.1.2. Thành viên Hội đồng quản trị

Mai Anh Đồng

Giới tính	Nam	Quê quán	Nga Trường – Nga Sơn – Thanh Hóa
Ngày tháng năm sinh	09/09/1976	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Phường Hà Huy Tập – TP. Vinh – Tỉnh Nghệ An		
Nơi sinh	Phường Hà Huy Tập - TP. Vinh - Nghệ An		
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 182134410 cấp ngày 28/03/1995 tại CA Nghệ An	
Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế xây dựng – Kỹ sư cầu đường bộ		
Quá trình công tác:			
8/1999 - 7/2002	Kỹ thuật viên thi công - Công ty Đường bộ 471		
8/2002 - 11/2005	Phó phòng kinh doanh - Công ty Đường bộ 471		
12/2005 - 01/2007	Quyền Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty Đường bộ 471		
02/2007 - 12/2008	Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty Đường bộ 471		
01/2009 - 07/4/2012	UVTV Đ/uỷ, Phó giám đốc - Công ty CP 471		
04/2012 - 04/2013	Thành viên HĐQT, Giám đốc - Công ty Cổ phần 471		
05/2013 - nay	Thành viên HĐQT, Phó bí thư Đảng ủy, Giám đốc - Công ty Cổ phần 471		
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT, Phó bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty.		
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Lợi ích liên quan với Công ty	Không		

Số cổ phần nắm giữ:	610.768 cổ phần (tỷ lệ 20,36%)
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân: - Đại diện phần vốn Nhà nước:	16.000 cổ phần (0,53%) 594.768 cổ phần (19,83%)
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không có

13.1.3. Thành viên Hội đồng quản trị

Nguyễn Văn Toàn			
Giới tính	Nam	Quê quán	Hùng Tiến – Nam Đàn – Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	19/05/1963	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Phường Trung Đô – TP. Vinh – Tỉnh Nghệ An		
Nơi sinh	Hùng Tiến – Nam Đàn – Nghệ An		
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 181292483 cấp ngày 26/09/1996 tại CA Nghệ An	
Trình độ văn hóa	10/10		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán		
Quá trình công tác:			
01/1991 - 09/1991	Thống kê - kế toán phân xưởng xi măng Xí nghiệp B19		
10/1991 - 3/1993	Phụ trách phân xưởng xi măng Xí nghiệp B19		
4/1993 - 8/1996	Kế toán viên Công ty B19		
9/1996 - 3/2001	Kế toán viên Công ty Đường bộ 471		
4/2001 - 7/2002	Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty Đường bộ 471		
8/2002 - 6/2003	Quyền Trưởng phòng TC- KT - Công ty Đường bộ 471		
7/2003 - 4/2006	Trưởng phòng TC- KT - Công ty Đường bộ 471		

4/2006 - 4/2008	Kế toán trưởng - Công ty Đường bộ 471
5/2008 - 12/2008	Phó giám đốc - Công ty Đường bộ 471
01/2009 - 4/2009	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc - Công ty Cổ phần 471
5/2009 - 04/2013	Bí thư Đ/uỷ, Thành viên HĐQT, Phó giám đốc - Công ty Cổ phần 471
05/2013 - nay	Thành viên HĐQT, UVTV Đảng ủy, Phó giám đốc - Công ty CP 471
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT, UVTV Đảng ủy – Phó Giám đốc Công ty
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần sở hữu:	15.400 cổ phần (tỷ lệ 0,51%)
Trong đó: - Số cổ phần sở hữu: - Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước:	 15.400 cổ phần (0,51%) 0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	- Vợ: Phùng Thị Thu Thủy nắm giữ 24.000 cổ phần (0,80%). - Em ruột: Nguyễn Văn Nam nắm giữ 47.400 cổ phần (1,58%)

13.1.4. Thành viên Hội đồng quản trị

Hồ Tuấn Dũng			
Giới tính	Nam	Quê quán	Nam Phúc – Nam Đàn –

			Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	15/10/1971	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Khối 10 – P. Đội Cung – TP. Vinh – Tỉnh Nghệ An		
Nơi sinh	P. Nam Phúc	H. Nam Đàn	T. Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 181657059 cấp ngày 27/02/1987 tại CA Nghệ An	
Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí		
Quá trình công tác:			
02/1993 - 10/1993	Cán bộ kỹ thuật cơ khí - Công ty nạo vét biển 2		
11/1993 - 01/1998	Cán bộ kỹ thuật cơ khí - Công ty Đường bộ 471		
02/1998 - 10/2001	Đội phó phụ trách cơ khí Đội 1, Đội 3 - Công ty Đường bộ 471		
11/2001 - 01/2004	Quyền Đội trưởng Đội 3 - Công ty Đường bộ 471		
02/2004 - 12/2008	UVBCH Đ/uỷ, Bí thư CB Đội 3, Đội trưởng Đội 3 - Công ty ĐB 471		
01/2009 - 11/2009	UV BCH Đ/uỷ, TV HĐQT, Đội trưởng Đội 3 - Công ty Cổ phần 471		
11/2009 - nay	UV BCH Đ/uỷ, TV HĐQT, Phó giám đốc Công ty Cổ phần 471		
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty		
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Không		
Số cổ phần nắm giữ	11.223 cổ phần (0,37%)		
Trong đó: - Sở hữu cá nhân: - Đại diện phần vốn nhà nước:	 11.223 cổ phần (0,37%) 0 cổ phần		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		

Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không có

13.1.5. Thành viên Hội đồng quản trị

Nguyễn Ngọc Hưng			
Giới tính	Nam	Quê quán	Nghi Hưng – Nghi Lộc – Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	08/12/1978	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Khối 15 – Phường Hà Huy Tập – TP. Vinh – Tỉnh Nghệ An		
Nơi sinh	Đà Sơn	Đô Lương	Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 182167229 ngày 19/01/2007 tại CA Nghệ An	
Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư đường bộ		
Quá trình công tác:			
10/2001- 11/2005	Cán bộ kỹ thuật - Phòng Kỹ thuật - Công ty Đường bộ 471		
12/2005 - 01/2007	Phó phòng Kỹ thuật - Công ty Đường bộ 471		
02/2007 - 02/2008	Quyền trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty Đường bộ 471		
03/2008 - 12/2008	Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty Đường bộ 471		
01/2009 - 11/2012	UV BCH Đảng uỷ - TVHĐQT - Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty Cổ phần 471		
11/2012 - nay	UV BCH Đảng uỷ - TVHĐQT - Phó giám đốc Công ty Cổ phần 471		
Chức vụ hiện tại tại tổ chức	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty		

phát hành	
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	10.863 cổ phần (0,36%)
Trong đó: - Sở hữu cá nhân: - Đại diện phần vốn nhà nước:	 10.863 cổ phần (0,36%) 0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không có.

13.2. Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức danh
Ông Mai Anh Đồng	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Toàn	Phó Giám đốc
Ông Hồ Tuấn Dũng	Phó Giám đốc
Ông Vũ Hồng Trung	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Phó Giám đốc

13.2.1. Giám đốc

Ông Mai Anh Đồng

Đã trình bày ở mục HĐQT.

13.2.2. Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Toàn

Đã trình bày ở mục HĐQT.

13.2.3. Phó Giám đốc

Ông Hồ Tuấn Dũng

Đã trình bày ở mục HĐQT

13.2.4. Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Hưng

Đã trình bày ở mục HĐQT

13.2.5. Phó Giám đốc

Vũ Hồng Trung			
Giới tính	Nam	Quê quán	Nghi Thiết – Nghi Lộc – Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	11/12/1982	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Xóm Rồng – Nghi Thiết – Nghi Lộc – Tỉnh Nghệ An		
Nơi sinh	Nghi Thiết	Nghi Lộc	Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 182532105 ngày 21/03/2000 tại CA Nghệ An	
Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cầu đường bộ		
Quá trình công tác:			
11/2005- 11/2008	Cán bộ kỹ thuật - Phòng Kỹ thuật Công ty Đường bộ 471		
12/2008 - 11/2012	Phó phòng Kỹ thuật - Công ty cổ phần 471		
11/2012 - nay	UV BCH Đảng uỷ - Phó giám đốc Công ty Cổ phần 471		
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Phó Giám đốc Công ty		
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Không		
Số lượng cổ phần nắm giữ	1.783 cổ phần (0,06%)		
Trong đó:	1.783 cổ phần (0,06%)		

- Sở hữu cá nhân: - Đại diện phần vốn nhà nước:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không có.

13.3. Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh
Bà Đặng Thị Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Chí Dũng	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Đỗ Quyết Thắng	Thành viên Ban kiểm soát

13.3.1. Trưởng Ban kiểm soát

Đặng Thị Nga			
Giới tính	Nữ	Quê quán	Xã Nhân Thành – Yên Thành – Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	19/07/1973	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Phường Đông Vĩnh – TP. Vinh – Tỉnh Nghệ An		
Nơi sinh	Xã Nhân Thành	H. Yên Thành	T. Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 181868146 ngày cấp 01/09/2009 tại CA Nghệ An	
Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		

Quá trình công tác:	
01/1995 - 9/2000	Thống kê - kế toán - Đội 1 - Công ty Đường bộ 471
9/2000 - 3/2008	Kế toán viên - Phòng TC - KT - Công ty Đường bộ 471
4/2008 - 8/2008	Cán bộ định mức - Phòng TCCB - LĐTL - Công ty Đường bộ 471
9/2008 - 12/2009	Phó phòng TCCB - LĐTL - Công ty Đường bộ 471
01/2010 - 4/2010	Phó phòng TCCB - LĐTL - Công ty Cổ phần 471
5/2010 - Nay	Trưởng Ban Kiểm soát, Phó phòng TCCB - LĐTL - Công ty Cổ phần 471
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Trưởng Ban kiểm soát; Phó phòng Tổ chức cán bộ - Lao động tiền lương.
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	13.300 cổ phần (0,44%)
Trong đó: - Sở hữu cá nhân: - Đại diện phần vốn nhà nước:	13.300 cổ phần (0,44%) 0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Chồng Phạm Trung Quân nắm giữ 1.600 cổ phần (chiếm 0,05%)

13.3.2. Thành viên Ban kiểm soát

Nguyễn Chí Dũng			
Giới tính	Nam	Quê quán	Đức Ninh – Đức Thọ - Hà

			Tĩnh
Ngày tháng năm sinh	30/10/1975	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	134 Đinh Bạt Tụy – P. Trường Thi – TP. Vinh – Tỉnh Nghệ An		
Nơi sinh	Thạch Hương	Thạch Hà	Hà Tĩnh
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 182014668 ngày 29/04/2006 tại CA Nghệ An	
Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác:			
11/1996 - 12/2008	Chuyên viên phòng tài chính - Kế toán Tổng Công ty XDCTGT4		
01/2009 - 11/2009	Chuyên viên phòng tài chính - Kế toán Tổng Công ty XDCTGT4, Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Đường bộ 471		
12/2009 - Nay	Phó phòng tài chính - Kế toán Tổng Công ty XDCTGT4, Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ Phần 471		
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Thành viên Ban kiểm soát		
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Phó phòng tài chính - Kế toán Tổng Công ty XDCTGT4		
Số lượng cổ phần nắm giữ	2.000 cổ phần (0,07%)		
Trong đó: - Sở hữu cá nhân: - Đại diện phần vốn nhà nước:	2.000 cổ phần (0,07%) 0 cổ phần		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không		
Số cổ phần sở hữu của	Không có.		

người có liên quan	

13.3.3. Thành viên Ban kiểm soát

Đỗ Quyết Thắng			
Giới tính	Nam	Quê quán	Nghi Đồng – Nghi Lộc – Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	14/10/1982	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Khối 1 – Phường Thu Thủy – Thị xã Cửa Lò – Nghệ An		
Nơi sinh	Nam Lĩnh	Nam Đàn	Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 182475057 ngày 14/06/1999 tại CA Nghệ An	
Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công trình thủy		
Quá trình công tác:			
9/2006 - 9/2006	Cán bộ kỹ thuật - Phòng Kỹ thuật - Công ty Đường bộ 471		
9/2006 - 12/2008	Cán bộ dự toán - Phòng Kinh doanh - Công ty Đường bộ 471		
01/2009 - 01/2011	Thành viên Ban kiểm soát - Cán bộ dự toán - Phòng Kinh doanh - Công ty Cổ Phần 471		
02/2011 - nay	Thành viên Ban kiểm soát - Phú Phòng Kinh doanh - Công ty Cổ Phần 471		
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Thành viên Ban kiểm soát – Phó phòng kinh doanh Công ty Cổ phần 471		
Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Không		
Số lượng cổ phần nắm giữ	1.440 cổ phần (0,05%)		
Trong đó: - Sở hữu cá nhân: - Đại diện phần vốn nhà nước:	1.440 cổ phần (0,05%) 0 cổ phần		

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không có.

13.4. Kế toán trưởng

Lê Thái Quang Hào			
Giới tính	Nam	Quê quán	Thanh Hưng – Thanh Chương – Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	29/10/1979	Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Khối 5 – Phường Lê Lợi – TP. Vinh – Tỉnh Nghệ An		
Nơi sinh	Thanh Hưng	Thanh Chương	Nghệ An
Quốc tịch	Việt Nam	CMND số 182291394 ngày 07/08/61997 tại CA Nghệ An	
Trình độ văn hóa	12/12		
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán		
Quá trình công tác:			
03/2003 - 04/2006	Kế toán viên - Phòng TC - KT - Công ty CTGT 482		
5/2006 - 5/2006	Phó phòng TC - KT- Công ty CTGT 482		
5/2006 - 6/2008	Phó phòng TC - KT- Công ty Đường bộ 471		
7/2008 - 12/2008	Trưởng phòng TC - KT- Công ty Đường bộ 471		
01/2009 - 10/2010	Trưởng phòng TC - KT- Công ty Cổ phần 471		
11/2010 - nay	UVBCH Đảng ủy, Kế toán trưởng Công ty cổ phần 471		
Chức vụ hiện tại tại tổ chức phát hành	Kế toán trưởng Công ty		

Chức vụ công tác tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	52.789 cổ phần (1,76%)
Trong đó: - Sở hữu cá nhân: - Đại diện phần vốn nhà nước:	 52.879 cổ phần (1,76%) 0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Bố đẻ: Lê Văn Phúc nắm giữ 30.600 cổ phần (chiếm 1,02%) Chị ruột: Lê Thái Hà nắm giữ 3.960 cổ phần (chiếm 0,13%)

13.5. Danh sách những người có liên quan tới thành viên HĐQT; Ban Kiểm soát; Ban Giám đốc

TT	Họ và tên	Quan hệ	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)
Những người có liên quan với Ông Vương Đình Ngũ - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty								
1	Nguyễn Thị Em	Mẹ đẻ	1921	Tân kỳ - Nghệ An	181056665	04/7/1979	CA Nghệ Tĩnh	0
2	Nguyễn Thị Luyến	Vợ	1967	Vinh - Nghệ An	181535860	05/01/2006	CA Nghệ An	38.603
3	Vương Đình Thông	Con trai	1990	Vinh - Nghệ an	186720438	05/01/2006	CA Nghệ An	6.000
4	Vương Thị Mỹ Linh	Con gái	1996	Vinh - Nghệ An	187407619	26/8/2012	CA Nghệ An	0
5	Vương Thị Thanh	Chị	1948	Nghĩa Đàn - Nghệ An	180200055	13/3/2008	CA TPHCM	0
6	Vương Đình Tiếp	Anh	1952	TPHCM	025029314	04/12/2008	CATPHCM	0
7	Vương Đình Bỏ	Anh	1955	TPHCM	023390408	17/11/2009	CA Nghệ An	0
8	Vương Thị Tứ	Chị	1958	Đô Lương - Nghệ An	181512078	12/12/2013	CA Nghệ An	0
9	Vương Đình Chinh	Em trai	1963	Tân Kỳ - Nghệ An	182216856	23/10/1996	CA Nghệ An	0
10	Vương Đình Huỳnh	Em trai	1964	Vinh - Nghệ An	186630051	01/5/2008	CA Nghệ An	0
Những người có liên quan với Ông Mai Anh Đồng –Thành viên Hội đồng quản trị Công ty kiêm Giám đốc								
1	Mai Xuân Đức	Bố	1939	Vinh, Nghệ An	182037713	07/3/2013	CA Nghệ An	0
2	Đỗ Thị Lai	Mẹ	1949	Vinh, Nghệ An	180084498	22/4/2006	CA Nghệ An	0
3	Mai Thị Liên	Chị	1973	Vinh, Nghệ An	182018759	26/9/2012	CA Nghệ An	0

4	Mai Xuân Độ	Em	1979	Vinh, Nghệ An	182219726	20/11/2008	CA Nghệ An	0
5	Nguyễn Thị Nhung	Vợ	1981	Vinh, Nghệ An	182285568	06/11/2013	CA Nghệ An	0
6	Mai Anh Việt	Con	2004	Vinh, Nghệ An				0
7	Mai Nam Khánh	Con	2009	Vinh, Nghệ An				0
Những người có liên quan với Ông Nguyễn Văn Toàn – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty kiêm Phó giám đốc								
1	Phùng Thị Thu Thủy	Vợ	1971	Vinh, Nghệ An	191723401	08/3/2011	CA Nghệ An	24.000
2	Nguyễn Thị Thu Uyên	Con	1994	TPHCM			CA Nghệ An	0
3	Nguyễn Cẩm Tú	Con	2001	Vinh, Nghệ An				0
4	Nguyễn văn Châu	Bố đẻ	1932	Nam Đàn, Nghệ An	181642488	06/7/2012	CA Nghệ An	0
5	Nguyễn Thanh An	Anh ruột	1961	Nam Đàn, Nghệ An	180642955	17/02/2004	CA Nghệ An	0
6	Nguyễn Thị Phương	Em ruột	1967	Krongbuk - Đắc Lắc	241195962	25/7/2013	CA Đắc Lắc	0
7	Nguyễn Văn Nam	Em ruột	1970	Nam Đàn, Nghệ An	181651155	08/6/2001	CA Nghệ An	47.400
8	Nguyễn Thị Thanh	Em ruột	1972	Nam Đàn, Nghệ An	181888091	25/7/2008	CA Nghệ An	0
Những người có liên quan với Ông Nguyễn Ngọc Hưng – Thành viên Hội đồng quản trị Kiêm Phó Phó Giám đốc								
1	Nguyễn Văn Mạnh	Cha đẻ	1954	Diễn Châu, Nghệ An	180948467	05/4/2012	CA Nghệ An	0
2	Nguyễn Thị Hòa	Mẹ đẻ	1955	Diễn Châu, Nghệ An	180948479	05/4/2012	CA Nghệ An	0
3	Nguyễn Thị Hằng	Em gái	1981	Diễn Châu, Nghệ An	182425654	30/12/1998	CA Nghệ An	0
4	Nguyễn Thị Nga	Em gái	1983	Vinh, Nghệ An	186147879	31/10/2009	CA Nghệ An	0

5	Nguyễn Ngọc Bảo	Em trai	1988	Diễn Châu, Nghệ An	186703135	01/12/2012	CA Nghệ An	0
6	Đàm Thị Thanh	Vợ	1979	Vinh, Nghệ An	080526694	06/02/2003	CA Cao Bằng	0
7	Nguyễn Ngọc Hà	Con	2005	Vinh, Nghệ An				0
8	Nguyễn Ngọc Phúc	Con	2009	Vinh, Nghệ An				0
Những người có liên quan với Ông Hồ Tuấn Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc								
1	Nguyễn Thị Mai	Mẹ đẻ	1945	Vinh - Nghệ An	180520155	20/6/2005	CA NghệAn	0
2	Nguyễn Thị Hạnh	Vợ	1975	Vinh - Nghệ An	181859895	07/02/2009	CA Nghệ An	0
3	Hồ Tuấn Huy	Con trai	2004	Vinh - Nghệ An				0
4	Hồ Tuấn Nguyên	Con trai	2013	Vinh - Nghệ An				0
5	Hồ Tuấn Anh	Anh	1969	Hà Nội	013108526	30/08/2008	CA Hà Nội	0
6	Hồ Tuấn Sỹ	Em	1974	Hà Nội	011893522	30/8/2008	CA Hà Nội	0
7	Hồ Thị Hiền	Em	1978	Vinh - Nghệ An	182136542	16/6/2012	CA Nghệ An	0
8	Hồ Tuấn Nhân	Em	1981	Hà Nội	1001720948	24/6/2010	CA Hà Nội	0
Những người có liên quan với Ông Vũ Hồng Trung – Phó Giám đốc Công ty								
1	Vũ Hữu Thuật	Bố	1956	Nghi Lộc, Nghê An	182532105	21/3/2000	CA Nghệ An	0
2	Đậu Thị Thanh	Mẹ	1958	Nghi Lộc, Nghê An	180227046	01/6/1978	CA Nghệ An	0
3	Vũ Hồng Hiệu	Em	1985	TPHCM	182486971	06/7/2013	CA Nghệ An	0
4	Vũ Thị Hiền	Trai	1994	Nghi Lộc, Nghê An	182481213	12/12/2012	CA Nghệ An	0

5	Trương Nguyễn Thảo Trân	Vợ	1984	Đại Lộc, Quảng Nam	201507800	29/11/2001	CA Đà Nẵng	0
6	Vũ Trương Trân Châu	Con	2012	Đại Lộc, Quảng Nam				0
Những người có liên quan với Bà Đặng Thị Nga – Trưởng Ban kiểm soát								
1	Phạm Trung Quân	Chồng	1970	Vinh, Nghệ An	181943984	09/2/2011	CA Nghệ An	1.600
2	Phạm Văn Minh	Con	1999	Vinh, Nghệ An				0
3	Phạm Văn Đức	Con	2007	Vinh, Nghệ An				0
4	Đặng Minh Hoàng	Cha đẻ	1936	Yên Thành, Nghệ An	180167935	02/4/1988	CA Nghệ An	0
5	Ngô Thị Toàn	Mẹ đẻ	1945	Yên Thành, Nghệ An	180254820	16/11/1988	CA Nghệ An	0
6	Đặng Tuấn Anh	Anh	1970	Biên Hòa, Đồng Nai	272508806	24/11/2011	CA Đồng Nai	0
7	Đặng Thị An	Em	1976	Biên Hòa, Đồng Nai	272575915	12/5/2012	CA Đồng Nai	0
8	Đặng Minh Giao	Em	1979	Yên Thành, Nghệ An	182256514	15/3/1997	CA Nghệ An	0
9	Đặng Thị Minh Quyên	Em	1980	Nhơn Trạch, Đồng Nai	272300085	30/12/2008	CA Đồng Nai	0
Những người có liên quan với Ông Nguyễn Chí Dũng – Thành viên Ban kiểm soát								
1	Nguyễn Văn Ngụ	Cha đẻ	1944	Vinh, Nghệ An	180031576	03/8/2010	CA Nghệ An	0
2	Trần Thị Nguyệt	Mẹ đẻ	1947	Vinh, Nghệ An	181949149	25/6/1990	CA Nghệ Tĩnh	0
3	Nguyễn Chí Trung	Anh ruột	1973	TP Hà Tĩnh	1819491161	17/11/2012	CA Nghệ An	0
4	Lê Thị Kim Khánh	Vợ	1975	Vinh, Nghệ An	182331559	24/11/2007	CA Nghệ An	0
5	Nguyễn Đức Anh	Con	2001	Vinh, Nghệ An				0

6	Nguyễn Đức Vinh	Con	2009	Vinh, Nghệ An				0
Những người có liên quan với Ông Đỗ Quyết Thắng – Thành viên Ban kiểm soát								
1	Đậu Văn Trí	Bố	1947	TX Cửa Lò, Nghệ An	181646245	17/3/1997	CA Nghệ An	0
2	Nguyễn Thị Phương	Mẹ	1950	TX Cửa Lò, Nghệ An	182204186	28/11/1996	CA Nghệ An	0
3	Đỗ Song Toàn	Anh	1978	TX Cửa Lò, Nghệ An	182204187	28/8/2005	CA Nghệ An	0
4	Mai Thanh Hương	Vợ	1984	Vinh, Nghệ An	186154627	16/6/2004	CA Nghệ An	0
5	Đỗ Hồng Quân	Con	2012	Vinh, Nghệ An				0

14. Tài sản

- Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 31/12/2011 như sau:

Bảng 17 – Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	**133.013.505.407**	**89.974.430.643**	**43.039.074.764**	**32,35%**
Nhà cửa, vật kiến trúc	4.126.609.992	3.635.140.240	491.469.752	11,91%
Máy móc và thiết bị	102.487.616.002	65.716.975.869	36.770.640.133	35,88%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	24.055.339.397	19.436.469.493	4.618.869.904	19,20%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.343.940.016	1.185.845.041	1.158.094.975	49,41%
Tài sản cố định vô hình	**1.026.480.000**	**-**	**1.026.480.000**	**100%**
Quyền sử dụng đất	1.026.480.000	-	1.026.480.000	100%
Tổng cộng	**134.039.985.407**	**89.974.430.643**	**44.065.554.764**	**32,87%**

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011 của Công ty Cổ phần 471

- Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 31/12/2012 như sau:

Bảng 18 – Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	**137.406.105.046**	**97.929.038.501**	**39.477.066.545**	**28,73%**
Nhà cửa, vật kiến trúc	6.245.695.044	3.857.738.118	2.387.956.926	38,23%
Máy móc và thiết bị	103.891.024.135	71.800.784.487	32.090.239.648	30,89%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	24.682.612.124	20.826.634.497	3.855.977.627	15,62%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.586.773.743	1.443.881.399	1.142.892.344	44,18%
Tài sản cố định vô hình	**1.096.480.000**	**-**	**1.096.480.000**	**100%**
Quyền sử dụng đất	1.026.480.000	-	1.026.480.000	100%
Phần mềm vi tính	70.000.000	-	70.000.000	100%
Tổng cộng	**138.502.585.046**	**97.929.038.501**	**40.573.546.545**	**29,29%**

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012 của Công ty Cổ phần 471

Bảng 19 – Giá trị tài sản cố định tại ngày 30/09/2013

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị khấu hao	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	**151.776.301.271**	**103.555.491.466**	**48.220.809.805**	**31,77%**
Nhà cửa, vật kiến trúc	6.335.695.044	4.072.080.057	2.263.614.987	35,73%
Máy móc và thiết bị	116.186.968.898	76.578.074.686	39.608.894.212	34,09%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	26.377.109.042	21.223.087.237	5.154.021.805	19,54%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.876.528.287	1.682.249.486	1.194.278.801	41,52%
Tài sản cố định vô hình	**1.096.480.000**	**-**	**1.096.480.000**	**100%**
Quyền sử dụng đất	1.026.480.000	-	1.026.480.000	100%
Tài sản cố định vô hình khác	70.000.000	-	70.000.000	100%
Tổng cộng	**152.872.781.271**	**103.555.491.466**	**1.096.480.000**	**32,26%**

Nguồn: BCTC 9 tháng năm 2013 của Công ty Cổ phần 471

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

15.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch 2013

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	
	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2012
Doanh thu thuần	350.000	3,17%
Lợi nhuận sau thuế	6.000	3,91%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,71%	0,47%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	15,06%	0,70%
Cổ tức	≥ 15%	≥ 0%

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013

15.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức

Kế hoạch kinh doanh 2013 của Công ty có nhiều khả năng đạt được do nhiều yếu tố:

- Hoạt động kinh doanh của Công ty có sự tăng trưởng ổn định. (Năm 2012, mặc dù nền kinh tế còn nhiều khó khăn, lợi nhuận sau thuế Công ty vẫn đạt gần 06 tỷ đồng, tăng 0,93 tỷ đồng tương đương

với 19,29% so với năm 2011; ROE năm 2012 đạt 14,96% - một mức tương đối khá so với các doanh nghiệp hoạt động cùng lĩnh vực mà đã niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội).

- Các công trình mà Công ty ký hợp đồng thi công đều là những công trình lớn được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách hoặc trái phiếu Chính phủ.
- Là thành viên của Tổng Công ty Công trình Giao thông 4 nên Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ về việc tham gia nhận thầu thi công các công trình lớn.
- Sau mỗi năm, Công ty tổng kết việc thực hiện các hợp đồng và lên kế hoạch thi công cụ thể các hạng mục công trình sẽ thực hiện trong năm tiếp theo. Chính vì vậy mà Công ty luôn đảm bảo được tiến độ thực hiện các hợp đồng và điều tiết công việc, bố trí nhân sự hợp lý.
- Công ty được thừa hưởng đội ngũ chuyên môn và người lao động có kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện công việc, làm việc với năng suất cao là cơ sở để công ty thực hiện chiến lược tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, xác lập uy tín trên thị trường, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành để tạo cơ hội trúng thầu nhiều công trình xây dựng cơ bản dự kiến triển khai đảm bảo thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2013-2014.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách của một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần 471, cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty Cổ phần 471 đang hoạt động. Căn cứ vào tốc độ tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là tốc độ tăng trưởng của các ngành xây dựng, cũng như tốc độ đô thị hóa và làm mới hóa các cây cầu, tuyến đường trong cả nước, chúng tôi nhận thấy rằng nhu cầu cho các ngành nghề đang có của Công ty Cổ phần 471 hiện nay vẫn được duy trì cao. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn có thể duy trì tốt trong những năm tới.Các cơ sở dữ liệu của Công ty được xây dựng khá thận trọng để tạo nên doanh thu cũng như lợi nhuận của năm 2013.

Cơ cấu doanh thu, giá vốn của Công ty được xây dựng trên nền tảng kết quả thực tế các năm hoạt động trong quá khứ, kết hợp với dự báo quy mô sản xuất của Công ty trong tương lai.

Năm 2012, tỷ suất LNST/doanh thu thuần đạt khoảng gần 3% và tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu đạt khoảng 15,29% là mức tỷ suất khá có thể đạt được trong điều kiện hiện nay. Việc trả cổ tức cho cổ đông của Công ty hoàn toàn có thể đảm bảo thực hiện được. Trên thực tế, tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông sẽ được thực hiện dựa trên quyết định tại Đại hội đồng cổ đông; tuy nhiên với dự kiến lợi nhuận như trên, Công ty có thể trả mức cổ tức cao hơn.

Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch

lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong năm tới là có tính khả thi và hoàn toàn có thể thực hiện được.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức: Tháng 6/2014

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký phát hành

Không có

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán phát hành

Không có.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu chào bán là cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán, đối tượng chào bán

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: 2.000.000 (Hai triệu) cổ phần.

- Cổ đông hiện hữu (cổ đông không phải là nhà nước)
  - Theo chủ trương của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4, để tập trung nguồn lực cho việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 nên Tổng Công ty sẽ không tham gia đầu tư trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ này của Công ty Cổ phần 471. Vì vậy, Công ty Cổ phần 471 sẽ phát hành cho các cổ đông hiện hữu (cổ đông không phải là nhà nước) (loại A): **390.000** cổ phần (chiếm 19,50% tổng số cổ phần chào bán) theo tỷ lệ 1:0,26 (mỗi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông cứ nắm giữ 1 cổ phần cũ được 01 quyền mua, mỗi quyền mua được mua thêm 0,26 cổ phần mới).
  - Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình hoặc từ chối quyền mua. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ 3).

- Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (loại B): **150.000** cổ phần, bằng 5% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty (chiếm 7,50% tổng số cổ phần chào bán).
  - **Tiêu chí lựa chọn người lao động:**

    + Là người lao động đã ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty.

    + Đang làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/10/2013 và có thời gian làm việc tại Công ty từ đủ 5 năm (60 tháng) trở lên tính từ ngày ký hợp đồng lao động với Công ty đến ngày 31/10/2013.

    + Đang nắm giữ các vị trí chủ chốt, có tâm huyết, có tâm huyết với Công ty, thuộc diện được thu hút để gắn bó lâu dài với Công ty.
  - **Phương thức phân phối:**

    + Mỗi người lao động được chọn sẽ được hưởng 01 quyền mua.

    + Mỗi quyền mua được mua **150.000/(tổng số quyền mua)** cổ phần.
  - **Danh sách người lao động được mua cổ phần:** *(Có danh sách kèm theo)*
- Phát hành cho đối tác chiến lược (loại C): **500.000** cổ phần (chiếm 25% tổng số cổ phần chào bán).
  - **Tiêu chí lựa chọn đối tác chiến lược:**

    + Là Tổ chức, đơn vị có năng lực tài chính, chuyên đầu tư các xây dựng các dự án và có ký kết hợp đồng xây lắp và cung cấp vật tư vật liệu có quan hệ lâu dài với Công ty CP 471 trước thời phát hành cổ phiếu;

    Danh sách đối tác chiến lược: *(Có danh sách đối tác chiến lược kèm theo)*
  - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động tìm kiếm, lựa chọn nhà đầu tư khác trong trường hợp cần thiết, đàm phán các điều kiện về giá và các điều kiện ràng buộc khác để đảm bảo đợt phát hành tăng vốn được thành công và đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông và Công ty.
- Phát hành theo hình thức bán đấu giá công khai ra công chúng (loại D): **960.000** cổ phần (chiếm 48% tổng số cổ phần chào bán)
- Xử lý số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu từ chối mua *(nếu có)*:

✓ Đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng phát hành, số lượng cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông và người lao động sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Toàn bộ số lượng cổ phần dôi da do làm tròn sẽ được phân phối cho Giám đốc Công ty. Nếu Giám đốc Công ty không mua, ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối cho các đối tượng do HĐQT lựa chọn theo giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

- ✓ Toàn bộ số cổ phiếu chưa phân phối hết trong quá trình chào bán sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng do HĐQT lựa chọn theo giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

4. Giá chào bán dự kiến

- Giá bán cho cổ đông hiện hữu, người lao động, đối tác chiến : 11.000 đồng/cổ phần.
- Giá khởi điểm bán đấu giá: 11.000 đồng/cổ phần

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2012 và 30/09/2013

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012 và BCTC 9 tháng năm 2013:

Chỉ tiêu	Khoản mục	31/12/2012	30/09/2013
		Giá trị (đồng VN)	Giá trị (đồng VN)
Vốn chủ sở hữu	(1)	38.609.853.940	34.574.862.696
Số cổ phần đã phát hành	(2)	3.000.000	3.000.000
Số cổ phiếu quỹ	(3)	0	0
Số cổ phần đang lưu hành	(4)	3.000.000	3.000.000

$$BV_1 = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2012}}{\textbf{Số cổ phần đang lưu hành}}$$

$$= \frac{38.609.853.940}{3.000.000} = 12.870 \text{ đồng/cổ phần}$$

$$BV_2 = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/09/2013}}{\textbf{Số cổ phần đang lưu hành}}$$

$$= \frac{34.574.862.696}{3.000.000} = 11.525 \text{ đồng/cổ phần}$$

$$BV_{\text{bình quân}} = \frac{12.870 + 11.525}{2}$$

$$= 12.198 \text{ đồng/cổ phần}$$

Giá trị thị trường (được tính theo Phương pháp P/E).

Theo Phương pháp này giá trị một cổ phần Công ty Cổ phần 471 được xác định theo công thức:

Giá trị một cổ phần = EPS (x) P/E bình quân của ngành

Trong đó:

EPS: Thu nhập của một cổ phiếu thường (đồng/cổ phần)

EPS = Lợi nhuận sau thuế/Số lượng cổ phiếu thường đang lưu hành

P: Giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)

P/E: Chỉ số giá trên thu nhập một cổ phiếu

Để tính P/E bình quân của ngành, Công ty sẽ căn cứ vào P/E của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng, có quy mô gần với quy mô hoạt động và đặc điểm kinh doanh tương tự với Công ty Cổ phần 471 đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

STT	Mã CK	P/E	P/E bình quân
1	B82	7	4.48
2	C92	6	
3	L18	5,7	
4	VC5	4,3	
5	NSN	-0,6	

(Theo cophieu68.com)

Theo BCTC kiểm toán năm 2012 của Công ty Cổ phần 471: EPS = 1.925 đồng/cổ phần

⇨ **Giá cổ phiếu = EPS x P/E bình quân = 8.624 đồng/cổ phần**

P bình quân $= \dfrac{(12.870+8.624)}{2}$

= 10.747 đồng/cổ phần

Giá trị sổ sách bình quân tại thời điểm 31/12/2012 và 30/09/2013 là **12.198 đồng/cổ phần**, giá thị trường tính theo phương pháp P/E là **8.624 đồng/cổ phần**, giá bình quân của giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2012; 30/09/2013 và giá thị trường được tính theo phương P/E là **10.747 đồng/cổ phần.** Căn cứ vào mức giá trên, tình hình thị trường chứng khoán và mức độ pha loãng cổ phiếu khi phát hành thêm cổ phần, để đảm bảo đợt phát hành được chào bán thành công, Hội đồng quản trị đề xuất mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu, người lao động, đối tác chiến lược và giá khởi điểm bán đấu giá công khai là **11.000 đồng/cổ phần**. Mức giá này đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 thông qua.

6. Phương thức phân phối

Cổ phiếu được phân phối theo phương án tăng vốn điều lệ, đấu giá công khai qua tổ chức tài chính trung gian và phân phối trực tiếp theo danh sách người lao động, danh sách cổ đông chiến lược được mua cổ phiếu đã được Đại hội cổ đông thông qua và danh sách cổ đông hiện hữu được chốt để hưởng quyền mua. Ngày chốt danh sách sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi có chấp thuận phát hành của UBCKNN và sẽ thông báo bằng văn bản cho cổ đông.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời điểm chốt danh sách cổ đông hiện hữu và thực hiện phát hành ra công chúng dự kiến là trong quý I/2014 sau khi có chấp thuận của UBCK về việc phát hành tăng vốn của công ty.

Việc phân phối cổ phần chào bán thêm dự kiến sẽ được tiến hành tối đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực. Thời gian phát hành dự kiến như sau:

Lịch trình cụ thể như sau

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận giấy phép đăng ký chào bán cổ phiếu của UBCKNN	D
2	Chốt danh sách cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phần.	D đến D+7
3	Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	D đến D+7
4	Cổ đông thực hiện chuyển nhượng quyền mua cổ phần	D + 10 đến D + 28
5	Cổ đông, người lao động đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	D + 10 đến D + 30
6	Nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần và nộp tiền cọc	D + 10 đến D +20
7	Nhà đầu tư bỏ phiếu tham dự đấu giá	D + 20 đến D + 40
8	Thực hiện đấu giá	D + 41
9	Trả tiền cọc cho nhà đầu tư không trúng giá	D + 42 đến D + 46
10	Nhà đầu tư thanh toán tiền mua cổ phần	D + 42 đến D + 51
5	Gửi báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN	D + 52
6	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu và phân bổ cổ phần cho các cổ đông	D + 52 đến D + 70

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1. Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu

Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành, Quy chế bán đấu giá cổ phần, sẽ đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là hai mươi ngày theo đúng quy định. Danh sách

sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định. Việc đăng ký mua cổ phiếu được thực hiện tại trụ sở Công ty Cổ phần 471. Việc đăng ký mua cổ phiếu theo hình thức đấu giá công khai sẽ được quy định cụ thể trong Quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty Cổ phần 471 do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam ban hành.

8.2. Phương thức thanh toán

- Số tiền phải nộp bằng giá bán nhân với số lượng cổ phần đăng ký mua (tối đa không quá lượng quyền mua cổ phiếu đã xác định)
- Nộp tiền mặt tại trụ sở Công ty hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Ngân hàng do Hội đồng quản trị quyết định và thông báo trong Bản thông báo phát hành.
- Phương thức thanh toán tiền đặt cọc mua cổ phần và thanh toán tiền mua cổ phần trúng giá sẽ được thực hiện theo Quy chế bán đấu giá cổ phần do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam ban hành.

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Công ty không quy định giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào Thị trường Chứng khoán Việt Nam thì nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty Cổ phần đại chúng. Theo sổ cổ đông ngày 31/05/2011 của Công ty Cổ phần 471, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần 471 là 0%.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ phần phát hành cho cổ đông chiến lược (loại C) bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu, người lao động, đấu giá công khai (loại A; loại B và loại D) là cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng.

11. Các loại thuế có liên quan đến cổ phiếu chào bán

- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Theo Thông tư 130/2008/TT-BTC "Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh

nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp" mức thuế suất TNDN hàng năm áp dụng cho Công ty là 25% trên lợi nhuận thu được (áp dụng từ năm tài chính 2009).

Năm 2011 và năm 2012, Công ty Cổ phần 471 được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo Thông tư 140/2012/TT – BTC ngày 21 tháng 08 năm 2012 của Bộ Tài chính.

- Các loại thuế khác: Công ty tuân thủ theo Luật thuế hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần 471

Số tài khoản: 010 100 000 0394 tại Ngân hàng Ngoại thương – Chi nhánh Vinh

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Để đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, hiệu quả trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cổ phần 471 (Công ty) cần huy động thêm vốn bằng việc phát hành thêm cổ phiếu nhằm thực hiện những mục tiêu sau:

- Tăng thêm lợi ích cho người lao động trong Công ty, tăng thêm sự gắn kết của NLĐ với Công ty.
- Nâng cao vai trò trách nhiệm của cán bộ công nhân viên cùng phấn đấu, chia sẻ những thành công của Công ty.
- Đảm bảo cơ cấu tài chính đạt mức an toàn, giảm bớt rủi ro về tài chính do sự lệ thuộc vào nguồn vốn vay ngân hàng và tăng cường khả năng tự chủ về tài chính của Công ty.
- Huy động để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh.
- Tìm kiếm cổ đông chiến lược nhằm tận dụng lợi thế, thế mạnh của Cổ đông chiến lược cho sự phát triển của Công ty.
- Nâng cao hình ảnh của Công ty trước các đối tác, bạn hàng, tăng cường vị thế và năng lực cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Để đảm bảo huy động đủ số vốn cần thiết cho kinh doanh, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần 471 đã ủy quyền cho HĐQT chào bán tiếp số cổ phần không phát hành hết cho các nhà đầu tư khác trong trường hợp cổ đông hiện hữu, người lao động, cổ đông chiến lược từ chối quyền mua hoặc đấu giá không thành công.

Theo kế hoạch tăng vốn điều lệ nêu trên, toàn bộ số vốn thu được từ đợt phát hành dự kiến sẽ là **22.000.000.000** đồng, bao gồm cả phần thặng dư vốn, được Công ty sử dụng để bổ sung vốn lưu động

phục vụ sản xuất kinh doanh theo đúng phương án sử dụng vốn nêu trong Phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Theo Nghị quyết số 085/2013/QĐ-HĐQT ngày 28/11/2013 của Hội đồng quản trị, toàn bộ số vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ (dự kiến là 22.000.000.000 đồng) được sử dụng để chi trả một phần nợ vay ngắn hạn Ngân hàng TM CP Ngoại Thương Việt Nam, chi nhánh Vinh.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Trụ sở chính : Số 02 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh Hà Nội: Tầng 4, tòa nhà Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 35148768

Fax : (84-4) 35148768

Website : www.vics.vn

Trên cơ sở những thông tin về đợt phát hành và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành của Công ty Cổ phần 471 đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 thông qua và những nhận định về tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam, là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công Nghiệp Việt Nam nhận thấy nếu không có những biến động bất thường tác động đến đợt phát hành của Công ty Cổ phần 471 thì kế hoạch phát hành của Công ty đưa ra là khá hợp lý và mang tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra với góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, dựa trên các thông tin chúng tôi đã thu thập và đánh giá trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính và chứng khoán. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu phát hành và tính chắc chắn của những số liệu trong kế hoạch sử dụng vốn của Công ty cũng như sự thành công của đợt phát hành. Nhận xét chỉ mang tính tham khảo.

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN THUẾ (ATC)

Trụ sở : Phòng 201, tòa nhà 262 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 6266 2284 Fax: (84-4) 6266 2285

Website : www.atc-audit.com

PHỤ LỤC

1. **Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng**
2. **Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**
3. **Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty**
4. **Báo cáo tài chính** *(đã kiểm toán)***năm 2011, 2012 và Báo cáo tài chính 9 tháng 2013 do Công ty Cổ phần 471 tự lập.**
5. **Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BGĐ, BKS, KTT**
6. **Quyết định của ĐHĐCĐ thông qua phương án phát hành**
7. **Quyết định của HĐQT thông qua hồ sơ**
8. **Các tài liệu khác**

Tp Vinh, ngày 27 tháng 11 năm 2013

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN 471

CHỦ TỊCH HĐQT	**GIÁM ĐỐC**
(Đã ký)	**(Đã ký)**
Vương Đình Ngũ	**Mai Anh Đồng**
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
(Đã ký)	**(Đã ký)**
Đặng Thị Nga	**Lê Thái Quang Hào**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Lê Thái Hưng